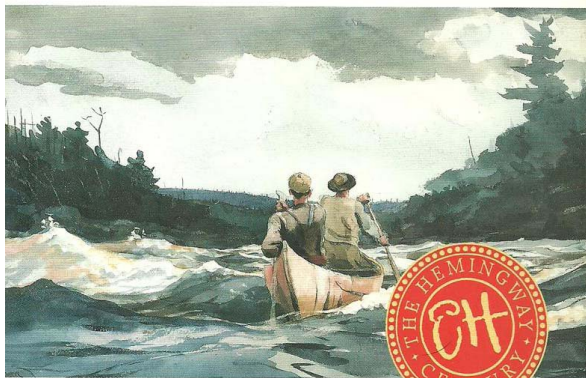


Tuyển Tập Truyện Ngắn

**ERNEST
HEMINGWAY**



TRUYỆN NGẮN HEMINGWAY

Tác giả: Ernest Hemingway

Nguồn: Sưu tầm

Biên tập: V.C



LỜI NGƯỜI DỊCH

Bạn đang cầm trên tay tuyển tập Truyện cực ngắn và truyện ngắn của Ernest Hemingway trong tập truyện "Trong thời đại chúng ta", xuất bản tại Paris, năm 1924 và những truyện ngắn khác của ông được sắp xếp theo trình tự thời gian từ năm 1916 đến năm 1951.

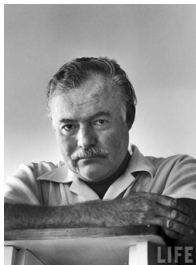
Trong tuyển tập này, ở một số truyện, chúng tôi dịch như xưa nay một số dịch giả vẫn thường làm đối với chữ "and" rất đặc biệt của E. Hemingway là bỏ nó đi, nếu được, hay là thay nó bằng dấu phẩy (,) hoặc dấu chấm (.) để những câu văn ấy của E. Hemingway sáng ra, ngắn đi và đỡ luộm thuộm hơn; một số truyện khác, chúng tôi cố gắng giữ nguyên trạng câu văn và chữ "and" của nhà văn. Bạn sẽ đọc thấy nơi chữ and (và, còn, cùng...) ấy nhịp đi của thời gian, thể chông chất của không gian, nỗi niềm cố đè nén đến ngán ngơ của một tâm trạng, sự bùng

vỡ của những khát vọng, nét hóm hỉnh của một cái nhìn sắc sảo.

“Trong thời đại chúng ta” là một trong những tác phẩm lạ nhất thế giới, cứ như là những mảnh ký ức, những mảnh tâm trạng... những thoáng chốc hiện sinh của đời người được lắp ghép bất định, mãi mãi dang dở, mãi mãi chưa nói hết. Và những truyện ngắn khác của E.Hemingway trong tuyển tập này cũng là những mảnh vỡ như vậy, những thoáng chốc hiện sinh như vậy.

Bạn hãy đọc kỹ truyện ngắn của E.Hemingway rồi hãy quên chúng đi. Và chúng sẽ hiện về trong kí ức, trong tâm trạng hay trong suy ngẫm của bạn một lúc nào đó, và đột nhiên bạn nhận ra cỏ xanh hơn, trời trong hơn, dòng sông êm đềm hơn... giữa cõi đời rất đời này.

TÁC GIẢ



Ernest Hemingway

Ernest Hemingway (1899-1961) sinh ở Oak Park, Illinois. Ông làm nhiều nghề lặt vặt mưu sinh từ trẻ, nên không học đại học được, trước khi trở thành phóng viên cho tờ Star ở Kansas City. Ông làm tài xế cứu thương ở mặt trận Ý, rồi làm lính tác chiến trong Thế Chiến I, bị thương và được thưởng huy chương. Sau này ông còn tham dự hai cuộc chiến nữa là Nội Chiến Tây Ban Nha và Thế Chiến Thứ II với tư cách phóng viên chiến trường.

Sau thế chiến, ông sống ở Âu châu một thời

gian và trở thành nhà văn. Những tác phẩm lớn của ông ra đời và đưa ông lên vị trí nhà văn hàng đầu: *The Sun Also Rises* (Mặt Trời Vẫn Mọc), *A Farewell to Arms* (Giã Từ Vũ Khí), *For Whom the Belle Tolls* (Chuông Nguyện Hồn Ai)...Lối viết đơn giản, trùng lặp cứ như điệp khúc một bài nhạc trở thành nét độc đáo của ông và được nhiều người bắt chước, đến độ các nhà xuất bản thỉnh thoảng lại nồng nhiệt giới thiệu "một Hemingway mới" mỗi khi xuất bản tác phẩm của một nhà văn trẻ triển vọng nào đó.

Chủ đề chính của ông là chiến tranh, đấu bò và những môn thể thao mạnh bạo, có đổ máu. Ông cho rằng ở những bối cảnh đó, nhân vật phải tự bộc lộ và chịu đựng những thử thách ghê gớm nhất. Vấn đề của nhân vật của ông chẳng phải là thắng hay thua, mà là cách ứng xử, phản ứng, vì thực ra thất bại ở góc cạnh này có thể lại là chiến thắng ở góc khác.

Truyện ngắn của ông cũng khá nhiều, và đã để lại một dấu ấn riêng ở thể loại này. Năm 1952, ông xuất bản cuốn *The Old Man and The Sea*

(Ông Già và Biển Cả) và đoạt giải Pulitzer. Năm 1954, giải Nobel trao cho ông cũng chỉ là sự vinh danh cho một hào quang đã sẵn có.

Ông tự sát (người ta kết luận như thế) năm 1961 và tác phẩm cuối cùng của ông, A Moveable Feast - một tập bút ký về Paris - được xuất bản năm 1964.



GÁ VÔ SĨ

Nick đứng dậy, hắn không hề gì. Hắn nhìn dọc đường xe lửa theo toa xe chạy khuất dần ở một khúc quanh. Hai bên đường ray đều có nước, rồi tới đầm lầy mọc đầy lác điệp tùng.

Hắn rờ đầu gối. Cái quần bị rách, da bị trầy. Bàn tay hắn bị chà sát, cát và bụi than bám đầy móng tay. Hắn ra khỏi bờ đường ray, xuống bờ dốc thoải tới mé nước và rửa tay. Hắn rửa cẩn thận trong nước lạnh, moi sạch đất cát trong móng tay. Hắn lại quỳ xuống và rửa đầu gối.

Thằng cha gác thẳng xe lửa khốn nạn. Một ngày kia thế nào mình cũng tóm được lão. Thế nào lão cũng biết tay mình. Lão chơi đểu thật.

— Lại đây nè, nhóc - lão nói - Có cái này cho mày nè.

Hắn đã bị gạt. Thật là trò ngớ ngẩn. Sẽ không bao giờ chúng lừa mình kiểu đó được nữa.

— Lại đây nè, nhóc. Có cái này cho mày nè - rồi, bình, hắn té bò xoài cạnh đường ray.

Nick dụi mắt. Một cục u to tướng nổi lên ở đó. Chắc mắt mình bị bầm, được rồi. Nó đau lên rồi. Cũng tại thằng cha gác thắng quái quỷ.

Hắn đưa ngón tay sờ rầm cục u trên mắt. Thôi được, chỉ là bầm mắt thôi. Chỉ bị có thể thôi. Cũng rẻ chán. Hắn mong nhìn rõ được nó. Nhìn trong bóng nước thì không được. Trời đã tối mà hắn chẳng ở gần khu dân cư nào cả. Hắn chùi tay vào quần và đứng dậy rồi ngược dốc lên đường ray.

Hắn đi theo đường ray. Nó được rải đá cấn thận nên cũng dễ đi, sỏi và cát lèn đầy giữa các thanh nối, làm lối đi vững chắc. Nền đường phẳng phiu cứ như một đường cao chạy thẳng qua đầm lầy. Nick cứ đi tới. Hắn phải đến một nơi nào đó.

Nick đã đu lên toa xe chở hàng khi nó chạy chậm lại lúc qua sân ga Walton. Chuyến tàu, với Nick trên đó, đã vượt Walkakas khi trời bắt đầu sụp tối. Bây giờ chắc hắn đang ở gần Mancelona. Ba hay bốn dặm vượt đầm lầy. Hắn đi theo đường ray, tính toán bước chân sao để đặt đúng

trên lớp đá giữa hai thanh nổi, khu đầm lầy trông ma quái với mù sương đang bốc lên. Mặt hần đau nhức và bụng thì đói. Hần cứ bước đi, bỏ sau lưng mấy dặm đường rày. Hai bên lúc nào cũng chỉ là đầm lầy.

Phía trước là một cây cầu. Nick vượt qua nó, tiếng giày kêu om om trên sườn sắt. Mặt nước phía dưới hiện ra đen ngòm trong khoảng hở giữa hai thanh nổi. Nick đá một cây đinh đường ray bị sút ra và nó rơi tòm xuống nước. Vượt qua cầu là những ngọn đồi cao và đen cặp hai bên đường rày. Trên con đường tuốt đằng kia, Nick nhìn thấy ánh lửa.

Hần dè dặt tiến lại gần ánh lửa. Đống lửa nằm lệch một bên, dưới bờ dốc. Hần chỉ thấy ánh sáng bốc lên từ đó. Con đường chỗ này phân nhánh và chỗ lửa đốt, khung cảnh như rộng ra mở tới ven rừng. Nick cẩn thận thả xuống bờ dốc và đi xuyên rừng cây tiến về hướng đống lửa. Đó là một rừng sồi, và những trái sồi kêu lào xào dưới chân khi hần bước lên lỏi giữa các gốc cây. Đống lửa giờ đã thấy rõ, gần ngay cạnh bìa rừng.

Có một người đàn ông ngồi cạnh đó. Nick đứng sau một thân cây và nhìn. Ông ta có vẻ như chỉ có một mình, ngồi đó hai tay ôm đầu nhìn ngọn lửa. Nick bước ra và đi về hướng đồng lửa.

Người đàn ông vẫn ngồi đó nhìn lửa. Khi Nick đến sát bên, ông ta vẫn không động đậy.

— Xin chào!- Nick lên tiếng.

Ông ta ngược lên.

— Mắt sao bầm tím vậy? - ông ta hỏi.

— Thằng cha gác thắng xe lửa tổng tôi lột xe.

— Cái xe chở hàng đó hả?

— Phải.

— Tôi có thấy thằng cha đó - ông ta nói. - Xe chạy qua đây chừng tiếng rưỡi rồi. Thằng chả đi lơn tơn trên mui, vỗ vỗ tay hát hò lung tung.

— Đúng cha chó đẻ đó!

— Tổng chú lột xe chắc thằng chả khoái dữ - ông ta nói nghiêm trang.

— Tôi sẽ tổng thằng chả lại.

— Rình lúc nào xe chạy qua phang cho thằng chả một cục đá - ông ta cố vấn.

— Tôi sẽ tóm cổ thằng chả.

— Chú ngẫu dữ ha?

— Đâu có - Nick đáp.

— Bọn trẻ như chú thằng nào cũng ngẫu.

— Mình đành phải ngẫu thôi - Nick nói.

— Thì vậy.

Ông ta nhìn Nick và mỉm cười. Trong ánh lửa, Nick thấy mặt ông ta méo mó. Sống mũi gãy, mi mắt rách, đôi môi kỳ cục. Nick không nhận ra điều đó ngay, hắn chỉ thấy khuôn mặt đó quái lạ và thương tật. Da mặt có màu ngà ngà, nhìn dưới ánh lửa thấy thất kinh.

— Thấy mặt tôi ghê quá hả? - ông ta hỏi.

Nick bối rối, anh đáp:

— Chắc vậy.

— Coi nè! - ông ta giở cái nón kết ra.

Ông ta chỉ còn một vành tai. Nó dày cùi và bẹp dí vào sọ. Chỗ vành tai bên kia chỉ còn một mẩu thịt.

— Thấy ai như vậy chưa?

— Chưa - Nick đáp. Nó làm hắn phát ớn.

— Tôi chịu được nó - ông ta nói. - Chú không nghĩ rằng tôi có thể chịu được nó sao?

— Đương nhiên!

— Chúng nó cứ đâm tôi đến gãy tay thôi - ông ta nói - Chúng chẳng làm gì được.

Ông ta nhìn Nick:

— Ngồi xuống đi. Muốn ăn không?

— Đừng quan tâm! - Nick đáp - Tôi sẽ đi vào thị trấn.

— Nghe nè, - ông ta nói - kêu tôi bằng Ad.

— Được rồi!

— Nghe nè - ông ta nói tiếp. - Tôi không hoàn toàn bình thường đâu.

— Có chuyện gì?

— Tôi điên.

Ông ta đội mũ lên. Nick thấy mắc cười.

— Thấy ông cũng bình thường mà.

— Không có đâu. Tôi điên. Nghe nè, chú có bao giờ điên không?

— Chưa - Nick đáp - Làm sao ông điên vậy?

— Tôi đâu có biết - Ad nói - Khi mắc cái vụ này thì biết gì được. Chú biết tôi mà, phải không?

— Không biết.

— Tôi là Ad Francis.

— Chúa ơi!

— Không tin hả?

— Không.

Nhưng Nick biết chắc là ông ta nói thiệt.

— Chú biết tôi đánh tụi nó cỡ nào không?

— Không - Nick đáp.

— Tim tôi chậm lắm. Chỉ bốn mươi nhịp một phút thôi. Thử coi.

Nick ngán ngừ.

— Thử đi - ông ta cầm tay hắn - Cầm cổ tay tôi đi. Để ngón tay chỗ này nè.

Cổ tay ông ta to, các bắp thịt nổi gồ lên. Nick cảm được nhịp đập chậm rãi dưới ngón tay mình.

— Có đồng hồ không?

— Không.

— Tôi cũng không - Ad nói - Không có đồng hồ thì chẳng được cái tích sự gì.

Nick bỏ tay ông ta ra.

— Nghe nè - Ad nói - cầm lấy đi. Chú đếm nhịp còn tôi đếm tới sáu mươi.

Nhận được nhịp chậm chạp dưới đầu ngón

tay. Nick bắt đầu đếm. Hắn nghe ông ta cùng đếm thong thả, một, hai, ba, bốn, năm...lớn giọng dần.

— Sáu mươi. - Ad kết thúc - một phút rồi. Chú đếm được bao nhiêu?

— Bốn mươi - Nick đáp

— Vậy đó - Ad nói sung sướng - Nó không bao giờ nhanh hơn.

Một người đàn ông bước xuống bờ dốc hàng kia, vượt qua khoảng trống tiến về phía đồng lửa.

— Chào Bugs - Ad nói.

— Chào! - Bugs đáp. Đó là giọng người da đen. Coi cái tướng đi thì Nick biết đó là người da đen. Anh ta đứng lom khom bên ngọn lửa, quay lưng về phía họ. Rồi anh ta thẳng lưng lên.

— Bạn tôi, Bugs - Ad nói - Nó cũng điên luôn.

— Hân hạnh được gặp - Bugs nói - Ông từ đâu tới?

— Chicago - Nick đáp.

— Đó là thành phố đẹp - anh da đen nói. - Ông tên là gì nhỉ?

— Adams, Nick Adams.

— Nó nói nó chưa từng điên bao giờ, Bugs - Adams nói.

— Đời nó còn dài mà - anh da đen nói - Anh đang giở một gói gì đó ra bên đống lửa.

— Chừng nào mình ăn đây, Bugs? - Gã võ sĩ hỏi.

— Ngay bây giờ.

— Đói không, Nick.

— Đói muốn khủng luôn.

— Nghe hông, Bugs?

— Tao nghe hầu hết những chuyện đang nói.

— Tao đâu hỏi mày vụ đó.

— Được. Tao có nghe ngài ấy nói.

Anh ta đặt những miếng thịt vào chảo. Khi chảo nóng, mỡ lèo xèo, Bugs lom khom trên đôi chân dài ngằng bên đống lửa, trở mặt mấy miếng thịt và đập trứng bỏ vào, nghiêng chảo qua bên này rồi bên kia cho mỡ thấm đều vào trong.

— Ông vui lòng xắt bánh mì trong cái túi kia ra được không, ông Adams? - Bugs quay mặt lại

nói.

— Được thôi.

Nick thò tay vào túi lấy ra một ổ bánh mì. Hắn cắt ra sáu khoanh. Ad nhìn hắn và nghiêng người tới trước.

— Đưa dao đây cho tôi, Nick - ông ta nói.

— Không, đừng - anh da đen chặn lại - Giữ lấy dao, ông Adams.

Tay võ sĩ ngồi lại như cũ.

— Đưa bánh mì cho tôi, ông Adams - Bugs nói.
Nick mang lại.

— Anh có thích chấm bánh mì với mỡ chiên thịt không? - anh da đen hỏi.

— Đương nhiên rồi!

— Có lẽ mình nên đợi một lát. Lúc cuối bữa thì hay hơn.

Anh da đen đặt một lát thịt lên một miếng bánh mì rồi gạt thêm một quả trứng lên đó.

— Kẹp lại thành sandwich, được không, rồi đưa cho ông Francis.

Ad nhận miếng sandwich và bắt đầu ăn.

— Coi chừng miếng thịt tuột - anh da đen

cảnh giác - Miếng này cho anh, Adams ạ. Còn lại là phần tôi.

Nick cắn sandwich. Anh da đen ngồi đối diện hẳn, bên cạnh Ad. Trứng và thịt chiên còn nóng ăn thật tuyệt.

— Ông Adams quả là đang đói - anh da đen nói. Còn ông kia, người nhỏ con Nick nghe tên vốn là một cựu võ sĩ thì ngồi im. Ông ta chẳng nói gì từ khi anh da đen chặn lại về vụ con dao.

— Ông ăn thêm một miếng bánh mì nhúng mỡ chiên nghe? - Bugs nói.

— Rất cảm ơn.

Ông võ sĩ nhìn Nick.

— Dùng thêm không, ông Aldoph Francis? - Bugs chìa cái chảo ra.

Ad không trả lời, mà cứ nhìn Nick.

— Ông Francis? - giọng anh da đen nhẹ nhàng.

Ad không trả lời, mà cứ nhìn Nick.

— Tôi đang nói với ông đấy, ông Francis - anh da đen nói dịu dàng.

Ad cứ tiếp tục nhìn Nick, cái mũ kết đã kéo xuống sát mắt, Nick thấy bồn chồn.

— Làm cái chó gì mà mày đi qua đường này? - giọng nói với Nick phát ra gay gắt từ dưới vành mũ.

— Mày nghĩ mày là cái chó gì? Đồ đẽ hoang thối tha. Mày tới đây không ai mời, ăn đồ ăn của người ta rồi khi người ta hỏi mượn con dao thì mày lại cà chớn.

Ông ta lơ nhìn Nick, khuôn mặt ông trắng bệch còn đôi mắt thì hầu như khuất hẳn dưới vành mũ.

— Mày tưởng ngon hả? Có thằng chó nào xúi mày lết tới đây không?

— Đâu có ai?

— Đúng là đâu có ai xúi. Cũng không có ai rủ mày ở lại. Mày tới đây rồi cà chớn về cái khuôn mặt của tao, hút thuốc của tao, uống nước của tao rồi ăn nói cà chớn. Mày nghĩ rồi mày sẽ đi đường nào?

Nick chẳng nói gì. Ad đứng dậy.

— Nói cho mày nghe nghe, thằng chó đẽ vàng da Chicago kia. Mày sẽ bị đánh bể sọ nghe chưa?

Nick bước lui lại. Gã đàn ông nhỏ thó cứ từ từ

tiến lại, bước tới một cách vững chắc, chân trái đi trước, chân phải kéo theo sau.

— Đánh tao đi - ông ta lúc lắc cái đầu - Thử đánh coi.

— Tôi không muốn đánh ông.

— Mà mày đâu có tránh né được kiểu đó. Mày sẽ bị cho một trận hiểu chưa? Tiến tới thử đánh tao coi.

— Thôi ông ơi - Nick nói.

— Được rồi, đồ chó.

Ông ta nhìn xuống chân Nick. Khi ông vừa nhìn xuống thì anh da đen, đã theo sát ông từ khi ông rời đồng lúa, trụ lại và đập cái gì đó vào gáy ông ta. Ông ta ngã tới trước, còn Bugs buông rơi cái dùi cui bọc vải xuống cỏ. Ông ta nằm sấp mặt trên cỏ. Anh da đen xốc ông lên, đầu ông rũ sang một bên, và lôi ông về chỗ đồng lúa. Bộ mặt ông ta coi thảm thương, đôi mắt mở thô lỗ. Bugs nhẹ nhàng đặt ông ta xuống.

— Lấy giùm nước trong cái xô kia đi, ông Adams - anh nói - Chắc tôi đập hơi mạnh tay.

Anh da đen dùng tay hất nước vào mặt ông ta

và nhẹ nhàng kéo tai ông. Đôi mắt nhắm lại.

Bugs đứng dậy:

— Ông ta sẽ khỏe thôi. Chẳng gì phải lo. Rất tiếc, ông Adams ạ.

— Đâu có gì. - Nick nhìn xuống ông ta. Hắn thấy cây dùi cui và cầm lên. Nó có tay cầm mềm và gọn trong nắm tay của hắn. Nó có một lớp da bọc màu đen lại thêm một lớp khăn tay bọc ở đầu nữa.

— Tay cầm bằng xương cá voi - anh da đen nói. Thứ này hết sản xuất rồi. Tôi chưa biết anh có thể tự vệ đến cỡ nào, nhưng tôi không muốn anh đánh ông ta hoặc làm ông ta nghĩ là mình ngon lành hơn thực lực ông ấy.

Anh da đen lại mỉm cười. - Nhưng ông lại thích đánh ông ấy.

— Tôi biết cách. Ông ta sẽ chẳng nhớ gì đâu. Tôi cứ phải làm thế để chặn lại mỗi lần ông ta nổi cơn.

Nick vẫn nhìn người đàn ông trên cỏ, với đôi mắt khép lại, trong ánh lửa? Bugs thấy thêm vài khúc củi vào đồng lửa.

— Ông khỏi quan tâm đến hấn làm chi. Vụ này tôi đã gặp rất nhiều lần trước đây.

— Ông ta bị làm sao mà điên vậy? - Nick hỏi.

— Ôi, thiếu gì chuyện - anh da đen nói bên đống lửa - Làm một cốc cà phê này không, ông Adams?

Anh đưa Nick một tách cà phê và vuốt lại chiếc áo khoác anh đã đặt dưới đầu ông võ sĩ.

— Hấn bị đánh nhiều quá, đó là một chuyện - anh da đen nhấp chút cà phê - nhưng chuyện đó cũng là đơn giản thôi. Lúc đó em gái hấn làm quản lý cho hấn mà báo chí cứ viết đủ thứ chuyện về anh em này, chuyện hấn yêu em gái thế nào rồi hai người cưới nhau ở New York ra sao, mấy chuyện đó gây đủ điều khó chịu.

— Tôi nhớ ra chuyện đó rồi.

— Phải? Dĩ nhiên họ đâu phải anh em ruột khỉ gì đâu, nhưng có cả đống người không ưa chuyện đó và bắt đầu phát biểu linh tinh đến một ngày kia thì cô ta đi mất không trở lại nữa.

Anh uống cà phê và đưa tay lên chùi miệng.

— Thế là hấn điên. Uống chút cà phê nữa nhé,

ông Adams?

— Cảm ơn.

— Tôi gặp cô ấy đôi lần - anh da đen tiếp - Cô ta xinh dễ sợ. Mà coi giống hần đến độ có thể nghĩ là anh em sinh đôi. Mặt mũi hần coi đâu đến nỗi tệ nếu đừng bị đánh quá như thế.

Anh ngừng lời. Câu chuyện có vẻ đã kết thúc.

— Ông gặp ông ấy ở đâu vậy? - Nick hỏi.

— Trong tù - anh da đen đáp - Hần gây lộn đánh nhau suốt từ lúc cô ấy bỏ đi, thế là người ta tổng giam. Tôi thì đi tù vì chém một thằng nọ.

Anh mỉm cười, rồi nói tiếp với giọng nhẹ nhàng:

— Lập tức tôi thấy ưa hần, khi ra tù liền tìm hần. Tôi thích sống chung với hần. Hần thì khoái nghĩ rằng tôi điên mà tôi cũng chẳng quan tâm chuyện đó. Tôi thích ngao du đây đó mà tôi cũng chẳng phải ăn cắp ăn trộm gì để được đi chơi như thế. Tôi khoái sống như một người đàn ông hoang.

— Thế hai ông làm cái gì?

—Ồ. Chẳng phải làm gì cả. Chỉ ngao du. Hần

có tiền.

— Ông ta chắc kiếm được nhóc tiền.

— Đương nhiên rồi. Hắn tiêu sạch, hoặc bị người ta moi sạch. Cô ấy gửi tiền cho hắn.

Anh khơi lửa lên.

— Cô ấy quả là người đàn bà tuyệt vời - anh tiếp - giống y chang như hắn đến độ tưởng là anh em sinh đôi.

Anh da đen nhìn qua người đàn ông đang nằm thở nặng nề. Mớ tóc vàng của ông rũ xuống trán. Bộ mặt méo mó trông như trẻ con, trong giấc ngủ.

— Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể gọi hắn dậy, ông Adams ạ. Nếu không phiền thì tôi mong rằng ông nên lui đi. Tôi không muốn đuổi khách, nhưng sợ hắn nổi cơn khi lại nhìn thấy ông. Tôi buộc lòng phải đập hắn mà đó là cách duy nhất mỗi khi hắn lên cơn. Tôi lúc nào cũng phải lo giữ cho hắn đừng tiếp xúc với ai. Ông không phiền chứ, ông Adams? Thôi, đừng cảm ơn tôi, ông ạ. Tôi đã cảnh giác ông về hắn nhưng hắn coi bộ thích ông nên tôi tưởng mọi chuyện

cũng ổn. Theo đường rầy ông sẽ gặp một thị trấn cách đây chừng hai dặm. Nó tên là Mancelona. Tôi cũng định rủ ông ở lại qua đêm nhưng bây giờ thì không được rồi. Ông cầm theo ít bánh mì với thịt nhé? Mà thôi, tốt hơn là ông mang theo một miếng sandwich - Anh ta nói tất cả điều này bằng một giọng trầm, nhẹ và khiêm tốn của một người da đen.

— Vậy thôi. Tạm biệt, ông Adams? Tạm biệt và chúc may mắn.

Nick rời bước khỏi chỗ đông lửa, băng qua khoảng trống và trở lên đường rầy. Khuất khỏi tầm ánh lửa, hắn đứng lại lắng nghe. Giọng trầm dịu của anh da đen vẫn tiếp tục, nhưng hắn không nghe được nội dung. Rồi hắn nghe tiếng ông võ sĩ nói:

— Tao nhức đầu dễ sợ, Bugs à.

— Rồi sẽ khoẻ thôi, ông Francis - giọng anh da đen trấn an - Chỉ cần làm một cốc cà phê nóng này thôi.

Nick vượt hết bờ dốc và lên tới đường rầy. Hắn thấy trên tay mình đang cầm một miếng

sandwich nên bỏ nó vào túi. Đứng ở chỗ cao này, trên đường rầy trước khi quẹo khuất vào những ngọn đồi, hắn vẫn còn nhìn thấy ánh lửa ở khoảng trống bìa rừng đó.

MỘT NƠI SẠCH SẼ SÁNG SỬA

Đã khuya, và mọi người đã rời khỏi tiệm cà-phê, trừ một ông lão ngồi dưới bóng những lá cây dưới ánh sáng đèn điện. Ban ngày đường này bụi bặm, nhưng về ban đêm sương đêm làm cho bụi không bốc lên được và ông lão ưa ngồi khuya vì ông điếc và bây giờ về đêm, cảnh vật yên lặng, ông cảm thấy sự khác biệt. Hai anh bồi trong tiệm cà-phê biết rằng ông hơi say, và mặc dầu ông là một khách hàng đáng hoàng, họ biết rằng nếu ông say quá, ông sẽ ra về mà không trả tiền; bởi vậy mà họ vẫn canh chừng ông.

Một người nói: "Tuần trước ông đã định tự tử đấy."

"Sao vậy?"

"Ông thất vọng."

"Vì cái gì?"

"Chả có gì cả."

"Tại sao mày biết chả có gì?"

"Ông nhiều tiền lắm."

Họ cùng ngồi ở một chiếc bàn kê sát tường, cạnh cửa ra vào, và nhìn hàng hiên, nơi mà tất cả các bàn đều trống trơn trừ chỗ ông già ngồi dưới bóng lá cây nhẹ nhàng rung rinh trong gió. Một cô gái và một quân nhân đi qua ngoài phố. Đèn ngoài phố chiếu sáng vào con số bằng đồng đeo ở cổ áo quân nhân. Cô gái không mang khăn choàng đầu, rảo bước bên cạnh người lính.

Một người bồi nói: "Lính tuần sẽ lượm anh kia."

"Thì đã sao nếu anh ta có được cái mà anh ta theo đuổi?"

"Tốt hơn là bây giờ anh ta nên tránh đi vào phố. Lính tuần sẽ bắt anh. Cách đây năm phút họ vừa đi qua đây."

Ông già ngồi trong bóng tối lấy cái ly đập vào đĩa đựng chén. Người bồi trở lại bên ông già.

"Ông cần gì?"

Ông già nhìn anh. Ông nói: "Ly rượu nữa."

Anh bồi nói: "Ông sắp say rồi." Ông già lại

nhìn anh. Anh quay đi.

Anh nói với người bồi kia: "Ông ấy sẽ ngồi suốt đêm. Tap buồn ngủ rồi; không bao giờ tao được đi ngủ trước ba giờ sáng. Tuần trước đáng lẽ ông ấy tự vẫn quách đi có xong không."

Anh bồi lấy ở quầy hàng trong tiệm một chai rượu và một chiếc đĩa khác, rồi đi lại bàn ông già. Anh đặt đĩa xuống và rót rượu đầy ly.

Anh nói với ông già điếc: "Tuần trước đáng lẽ ra ông tự vẫn quách đi cho rồi." Ông già giơ ngón tay ra hiệu. Ông nói: "Thêm chút nữa." Anh bồi tiếp tục rót rượu vào ly đến nỗi rượu tràn ra và chảy theo chân ly vào chiếc đĩa trên chốc cả chồng đĩa. Ông già nói: "Cảm ơn." Anh bồi cất chai rượu vào trong tiệm. Anh lại ngồi vào bàn với anh bạn đồng nghiệp.

Anh nói: "Bây giờ ông ấy say rồi."

"Đêm nào ông cũng say."

"Ông muốn tự vẫn để làm gì?"

"Tao biết sao được."

"Ông tự vẫn bằng cách nào?"

"Ông treo cổ bằng một sợi dây."

"Ai cắt dây hạ ông xuống?"

"Cháu gái ông."

"Tại sao họ làm như vậy?"

"Họ lo cho linh hồn ông."

"Ông có bao nhiêu tiền?"

"Nhiều lắm."

"Ông phải tới 80 tuổi."

"Tao cũng cho là tám mươi."

"Tao ước gì ông về đi, chưa bao giờ tao phải đi ngủ trước ba giờ sáng. Giờ đó đâu phải giờ đi ngủ?"

"Ông ngồi lý vì ông thích thế."

"Ông ấy cô đơn. Tao không cô đơn. Tao có vợ chờ tao ở nhà."

"Trước kia ông cũng có vợ."

"Bây giờ mà ông có vợ thì cũng chẳng ích lợi gì cho ông."

"Chưa chắc. Có vợ, có lẽ ông ấy khá hơn."

"Cháu gái ông săn sóc ông."

"Tao biết rồi. Khi nãy mày nói cô ta cắt dây và cứu ông."

"Tao không thích già như vậy. Một ông già là

một cái gì khó thương lắm."

"Không phải bao giờ cũng vậy. Ông già này sạch sẽ. Ông uống mà không đánh đổ rượu. Ngay bây giờ đang say cũng vậy. Mà nhìn ông coi."

"Tao không muốn nhìn ông ấy. Tao chỉ muốn ông về đi. Ông không nể nang gì những kẻ phải làm việc. " Ông già ngược mắt từ ly rượu nhìn qua bên kia công viên rồi nhìn những anh bồi.

Ông chỉ ly rượu nói: "Cho ly nữa." Anh bồi vội vã đi tới bàn ông.

Anh nói: "Hết rồi. Đêm nay thôi. Đóng cửa bây giờ." Anh nói mà không cần ngữ pháp như những người ngu suẩn thường nói khi chuyện trò với người say hay người ngoại quốc.

Ông già nói: "Cho ly nữa."

"Không. Hết rồi." Anh bồi lấy khăn lau cạnh bàn và lắc đầu.

Ông già đứng dậy, chậm chạp đếm số đĩa đựng ly, lấy cái ví da đựng tiền trong túi ra, trả tiền và để lại nửa pêsêta để tưởng thưởng.

Anh bồi nhìn ông lão đi xuống phía dưới

đường phố, ông lão rất già đi chuyệnh choạng nhưng có vẻ tư cách.

Trong lúc họ đang đóng cửa, anh bồi không vội hỏi: "Tại sao mà không để ông ngồi lại uống rượu? Chưa tới hai giờ rồi mà."

"Tao cần về nhà đi ngủ."

"Một tiếng đồng hồ thì có kể gì?"

"Đối với tao, một tiếng đồng hồ có nghĩa hơn là đối với ông nhiều lắm."

"Thì vẫn là một tiếng đồng hồ."

"Mày nói như thế chính mày cũng là ông già vậy. Ông ta có thể mua chai rượu và uống ở nhà."

"Uống ở nhà không giống như uống ở đây."

Anh bồi có vợ đồng ý: "Ừ, đâu có giống như uống ở đây." Anh không muốn bắt công với ông già nhưng chỉ vì anh đang vội.

"Còn mày? Về nhà trước giờ thường lệ mày không sợ sao? (Ý nói không sợ có tình địch sao.)"

"Mày muốn chửi tao hả?"

"Không đâu bồ ơi, tao giỡn chơi đó thôi."

Kéo cửa sắt xuống xong, anh bồi vội vã đứng

dậy rồi nói: "Không, tao tin tưởng. Tao hoàn toàn tự tin."

Anh bồi nhiều tuổi hơn nói: "Mày còn trẻ, lại có lòng tin tưởng và có công việc làm, mày có tất cả mọi thứ."

"Còn mày thiếu cái gì?"

"Tao có công ăn việc làm, còn thì thiếu tất cả."

"Mày có tất cả những gì tao có."

"Không, chưa bao giờ tao có lòng tin tưởng và tao không còn trẻ nữa."

"Thôi, đừng nói chuyện vớ vẩn nữa, đóng cửa đi."

Anh bồi già nói: "Tao là thứ người thích ngồi tiệm cà phê khuya với tất cả những người không muốn đi ngủ, với tất cả những người cần có ánh sáng về ban đêm."

"Tao thì cần về nhà ngủ."

Anh bồi già nói: "Chúng ta thuộc hai loại người khác nhau." Bây giờ anh đã mặc xong áo để ra về và nói tiếp: "Không phải chỉ là vấn đề tuổi trẻ và lòng tin tưởng tuy rằng những cái đó đẹp dễ lắm. Đêm nào tao cũng thấy ngại ngùng

khi đóng cửa vì có thể có người cần tiệm cà phê."

"Bồ ơi, còn có những hầm rượu mở cửa suốt đêm."

"Mày không hiểu. Đây là một tiệm cà phê sạch sẽ và thích thú. Lại sáng sủa nữa. Ánh đèn rất tốt đẹp, và bây giờ, có bóng lá cây nữa."

Anh bồi trẻ nói: "Thôi về nhé!"

Anh kia nói: "Ừ, về nhé." Anh tắt đèn điện và tiếp tục nói chuyện một mình. Dĩ nhiên là cần ánh sáng, nhưng cần thiết là nơi đó phải sạch sẽ và thích thú. Không cần có âm nhạc. Chắc chắn là không cần âm nhạc. Anh cũng không thể đứng trước một quầy rượu và giữ được tư cách mặc dầu ở đó tất cả những gì cần thiết cho những giờ khắc này. Anh sợ sệt cái gì? Đó không phải sợ hãi hay kinh hoàng. Đó chỉ là cái hư không mà anh biết rõ quá. Tất cả là hư không, và con người cũng là cái hư không. Chỉ có một điều là cái đó cần có ánh sáng và phần nào sạch sẽ và trật tự. Có người sống trong hư vô mà không bao giờ cảm thấy cái hư vô đó, nhưng anh biết rằng tất cả chỉ là cái hư không rồi lại hư không.

Lạy hư không chúng tôi ở trên hư không, chúng tôi nguyện hư không cả sáng nước hư không trị đến vâng ý hư không dưới đất bằng trên hư không vậy. Xin hư không cho chúng tôi rầy hằng ngày dùng đủ và tha hư không chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có hư không chúng tôi lại chớ để chúng tôi sa chước hư không bèn chữa chúng tôi cho khỏi hư không; hư không. (Nhại bài kinh "Lạy Cha" trong đạo Thiên Chúa) Kính mừng hư không đầy hư không. Anh mỉm cười và đang đứng trước một quầy rượu trên có một chiếc máy lọc cà phê sáng loáng chạy bằng hơi ép.

Người pha rượu hỏi: "Anh cần gì?"

"Không gì cả."

Người pha rượu nói: "Lại một thằng điên," rồi quay đi.

Anh bồi nói: "Cho một ly nhỏ."

Người bán rượu rót cho anh một ly.

Anh bồi nói: "Ánh đèn sáng và thích thú nhưng quán rượu không lịch sự."

Chủ quán nhìn anh không trả lời. Khuya quá

rồi không phải lúc nói chuyện.

Chủ quán hỏi: "Ly nhỏ nữa chứ?"

Anh bồi nói: "Thôi, cảm ơn," rồi đi ra. Anh không thích những quán rượu và hầm rượu. Một tiệm cà phê sạch sẽ, sáng sủa là cái gì khác hẳn kia. Bây giờ, không nghĩ ngợi gì thêm nữa, anh sẽ trở về căn phòng của anh. Anh sẽ nằm trên giường và cuối cùng, khi trời sáng, anh sẽ ngủ. Anh tự bảo, dầu sao có lẽ chỉ là bệnh mất ngủ. Chắc hẳn nhiều người cũng bị mất ngủ như vậy.

NGƯỜI LÍNH TRỞ VỀ

Khi cuộc oanh tạc đánh phá tan hoang chiến hào của hần tại Fossalta, hần nằm bẹp dí, vã mồ hôi cầu khẩn Chúa. Chúa ơi, cứu con khỏi nơi đây. Chúa ơi, xin cứu con. Nếu Chúa cứu con thoát chết, con sẽ làm bất cứ điều gì Chúa sai khiến, con sẽ tin nơi Chúa và sẽ bảo tất cả mọi người trên thế gian này chỉ có Chúa mà thôi, Chúa mến yêu ơi. Khi đạn pháo qua khỏi vòng tuyến, chúng tôi thu dọn lại chiến hào. Buổi sáng mặt trời mọc, mang đến một ngày nắng oi bức và yên tĩnh. Đêm sau, khi trở về Mestre hần chẳng kể cho đứa con gái nơi hồng lâu biết về câu chuyện Chúa của hần. Từ đó hần cũng chẳng hề hé môi với ai.

...

Hần (Krebs) vào quân đội khi đang ngồi ghế nhà trường tại Methodist College, tiểu bang Kansas. Kia là tám hình hần mặc đồng phục đứng giữa sư huynh đệ của mình. Cả bọn cùng trang lứa với nhau. Hần gia nhập thủy quân lục

chiến năm 1917 và chỉ trở về Hoa Kỳ khi sư đoàn II rút quân khỏi giòng sông Rhine vào mùa hè 1919. Còn kia là tấm hình hắc chụp bên dòng Rhine cùng hai cô gái Đức và người hạ sĩ. Hắc và người hạ sĩ trông quá khổ trong bộ quân phục, hai cô gái Đức chẳng phải là người đẹp, và con sông thì không rõ hình rõ dạng.

Hắc trở về quê hương Oklahoma của mình quá muộn màng. Đã qua thật lâu rồi giai đoạn thiên hạ tung hô chào đón người hùng trở về từ mặt trận. Các chàng trai đi quân dịch nơi quê hắc đã quay về vẻ vang trong thời điểm ấy. Bọn họ đã đón nhận tất cả sự nhiệt liệt hân hoan mừng buổi đoàn viên từ khắp nơi mọi phía. Sau đó sự việc lắng đọng theo thời gian, và mọi người cho rằng sự trở về muộn màng của hắc thật khô hài đáng tội vì đã qua khá nhiều năm sau khi chiến tranh hoàn toàn kết thúc.

Lúc đầu hắc chẳng muốn bàn đến chiến tranh, đến những nơi mà hắc từng đi qua như Belleau Wood, Soissons, the Champagne, St. Mihiel và the Argonne. Về sau, khi hắc thấy cần

phải nói thì chẳng ai buồn nghe. Quê của hắn đã nghe đầy tai về những câu chuyện tàn bạo kinh thiên động địa, về người thật, việc thật. Hắn nhận ra một điều, muốn được thiên hạ lắng nghe thì hắn cần phải nói dối cho câu chuyện của mình thêm ly kỳ hấp dẫn, và khi nói dối đến lần thứ hai thì hắn đâm ra thù ghét chiến tranh, thù ghét luôn việc đề cập đến nó. Tất cả các điều thêu dệt làm cho hắn mất cảm giác, mất cảm tình với những việc xảy đến với hắn trong thời chiến. Duy chỉ khi nào sâu lắng tâm tư hồi tưởng lại thời gian đã qua của mình, hắn mới thấy dễ chịu và có cảm giác nhẹ nhàng. Khoảng thời gian ấy đã qua thật lâu rồi. Khoảng đời ấy đã cho hắn hoàn thành một việc tối thượng thật đơn giản và tự nhiên, đó là nghĩa vụ duy nhất của người đàn ông. Trong khi người khác có thể sẽ làm một việc khác hơn, để mất đi niềm hào hùng, mất đi giá trị thiêng liêng vô cùng cao quý, và đánh mất luôn chính bản thân họ.

Thật ra lời nói dối của hắn hoàn toàn vô thưởng vô phạt, chẳng quan trọng gì và chỉ góp

phần cho câu chuyện riêng tư của hắn mà thôi. Điều mà người khác biết đâu đã từng thấy qua, làm qua, hoặc nghe qua, và cho là sự thật. Toàn là những câu chuyện truyền miệng không chính xác, tuy nhiên lại thường tình xảy ra rất quen thuộc với người lính. Người quen biết với hắn, từng nghe câu chuyện kể tỉ mỉ về những người phụ nữ Đức bị xiềng cứng bên cổ súng máy tại khu rừng Argonne. Họ chẳng ý thức chi cả về việc mình làm mà vì bị kích động do tinh thần yêu nước nhồi sọ. Bất cứ tay xạ thủ người Đức nào nếu không bị xiềng xích, sẽ làm cho câu chuyện của hắn kém phần xúc động. Tuy thế, hắn khó chịu khi nói không đúng sự thật hoặc phóng đại. Nếu vô tình gặp gỡ và trò chuyện với người từng đi lính như mình, hắn dễ dàng rơi ngay vào vị trí của kẻ già dặn kinh nghiệm giữa những người lính với nhau. Nhớ lại chuỗi ngày tháng làm hắn vô cùng hãi hùng, hắn hoang mang và mất phương hướng hoàn toàn.

Bây giờ là cuối mùa hạ. Hắn thường dậy muộn. Hắn thức dậy chỉ để bát phở, vào thư

viện mượn hai quyển sách và về nhà ăn trưa. Sau đó ngồi trước hiên đọc sách đến chán và lại đi lang thang khắp nơi trong vùng, hoặc dành suốt buổi trưa nóng bức bên hồ bơi mát lạnh. Vào buổi tối, hấn dợt lại tiếng kèn của mình, dạo phố, đọc sách và đi ngủ. Đời sống của hấn xem ra thật vô tích sự, nhưng dưới mắt hai cô em gái hấn vẫn là người hùng. Mẹ hấn chiều con, để hấn ăn sáng tại giường nếu hấn muốn. Bà mẹ thường vào phòng khi hấn còn nướng cháy trên giường hỏi thăm về chiến tranh, nhưng sự quan tâm của bà mông lung không rõ rệt.

Trước khi vào quân đội hấn chưa hề được phép lái xe. Cha hấn kinh doanh trong ngành địa ốc, nên luôn cần sẵn chiếc xe để ông đưa thân chủ đi xem nhà đất vào bất cứ giờ phút nào thuận tiện. Chiếc xe đậu trường kỳ bên ngoài ngân hàng nơi ông làm việc trên lầu hai, chiến tranh đã chấm dứt và chiếc xe ấy vẫn còn đây, nguyên hình nguyên dạng. Nói chung mọi việc trong vùng hấn chẳng thay đổi điều gì, trừ mấy đứa con gái lớn lên. Tuy nhiên, đời sống của bọn họ

thật phức tạp, và hoàn toàn xa lạ với thế giới của hắn khiến hắn chùn bước chẳng muốn tiến đến. Hắn chỉ thích ngắm họ mà thôi. Rất nhiều cô gái trẻ đẹp. Phần nhiều cắt tóc ngắn ngang vai. Thời xa xưa khi hắn chưa vào quân đội chỉ có mấy đứa con gái nhỏ mới để tóc kiểu ấy.

Từ mái hiên nhà mình, hắn thích ngắm các cô gái đi ngang phía bên kia đường. Hắn thích nhìn họ bước dưới tàng cây bóng mát. Hắn thích mái tóc ngắn chấm vai và dáng dấp của họ. Thuở trước, họ không gây cho hắn chút ấn tượng gì vì hắn không hề để ý mấy đứa con nít bu quanh chiếc xe kem. Thật ra hắn chẳng thích con người thật của đám con gái ấy vì bọn họ phức tạp và hoàn toàn cách biệt với hắn. Thời gian gần đây hắn để ý một cô, nhưng chẳng muốn làm quen. Hắn thích con gái nhưng lại không muốn bỏ quá nhiều thời gian để được họ vì hắn sợ vướng vòng tang tị khổ ải. Hắn lại càng không muốn bận bịu với cuộc hẹn hò. Thật ra, hắn chẳng muốn nói dối điều này thế kia vì hắn nghĩ không đáng để phiền lòng.

Hắn sợ hậu quả. Hắn ngại ngần sợ phải sống ngao ngán với hậu quả thêm lần nữa. Hắn tha thiết muốn sống cuộc đời bình yên lâu dài không chi phối vì hậu quả. Hơn nữa, hắn chưa cần thiết có một người đàn bà. Quân đội đã dạy hắn như thế. Muốn tỏ ra mình cần có một người đàn bà bên cạnh thì đã sao, hầu như ai cũng làm được. Nhưng thật sự không hẳn thế. Đâu cần phải có đàn bà. Hắn nhớ nằm lòng một câu chuyện khá ngộ nghĩnh. Lúc đầu tên bạn bảo hắn đàn bà chẳng nghĩa lý chi với gã cả, rằng gã không bao giờ quan tâm đến họ, và họ đừng hòng động đến sợi lông chân của gã. Đoạn, tên bạn lại bảo gã chẳng thể sống thiếu đàn bà, rằng gã luôn cần có họ vì không có họ gã ngủ chẳng yên. Thật láo lếu. Nói nhảm cuội quanh quẩn cách nào cũng chỉ toàn láo lếu. Thật ra đâu cần phải có người đàn bà bên cạnh, trừ phi mình một lòng một dạ ôm ấp hình bóng họ trong tâm tư. Hắn học điều này từ quân đội. Sớm hay muộn cũng có một người. Khi thời gian đến hồi chín mùi, tự nhiên họ sẽ đến, đâu cần phải nghĩ

ngồi mông lung. Sự việc gì, sớm hay muộn rồi sẽ đến, hắn lại học điều này từ quân đội.

Hắn chỉ thích một người con gái nếu người ấy đến với hắn âm thầm đừng nói năng tâm sự gì cả. Nhưng nơi này quá phức tạp, hắn tự hiểu rõ mình chẳng thể nào vượt qua thêm lần nữa. Hắn tự nhủ không đáng để gây thêm phiền toái. Nhớ thuở nào bên mấy đứa con gái người Pháp và người Đức. Ngày ấy, xứ lạ quê người đâu có thể dài dòng văn tự và đâu cần phải nói. Rất đơn giản là chỉ làm bạn nhau mà thôi. Hắn nhớ về nước Pháp, người Pháp. Xong hắn lại nhớ về nước Đức, người Đức. Nói cho cùng, hắn thích người Đức hơn. Hắn chẳng muốn rời nước Đức. Hắn chẳng muốn trở về quê hương, nhưng rồi hắn phải về. Ngồi bên mái hiên nhà mình.

Hắn để ý thích mấy đứa con gái đi ngang nhà từ phía bên kia đường. Hắn chiêm ngưỡng bọn họ và yêu mến dáng dấp của họ hơn mấy đứa con gái người Pháp và người Đức. Tuy nhiên, thế giới của họ không phải là thế giới của hắn. Hắn mong được quen một cô trong bọn, nhưng hắn

nghĩ chẳng đáng. Hấn thừa biết họ rất xinh đẹp, nhưng hấn cũng biết mình không kham nổi những điều sẽ hỏi và câu chuyện sẽ kể bên giờ phút tâm tình. Hấn không tha thiết muốn làm quen một người nào cả mà hấn chỉ muốn thương thầm nhớ trộm chiêm ngưỡng cả bọn mà thôi. Nhưng hấn lại nghĩ chẳng đáng, chưa phải ở thời đi"m này.

Hấn thường ngồi bên mái hiên đọc quyển sách viết về chiến tranh. Đó là sự kiện lịch sử, và hấn đọc về mối liên quan gần bó mà hấn từng trải qua. Xưa đến nay chưa bao giờ hấn đọc được điều ưng ý như thế, và hấn ước ao phải chi có thêm tám bản đồ. Hấn mong mỗi với niềm sung sướng được đọc các sự kiện lịch sử quý giá cùng với tám bản đồ có đầy đủ chi tiết. Bây giờ hấn mới thật sự hiểu tận tường về chiến tranh, và tự biết mình là một người lính đã hoàn thành tốt nhiệm vụ cao cả.

Vào một buổi sáng khoảng tháng sau khi hấn trở về nhà, bà mẹ bước vào phòng hấn. Bà ngồi lên giường, vuốt chiếc áo.

— Mẹ vừa nói chuyện với cha con đêm qua.
Cha có ý muốn cho con dùng xe vào buổi tối.

Hắn dật dờ chưa tỉnh hẳn.

— Cho con lái xe?

— Ừ.

— Mẹ xin cha phải không?

— Không. Do ý của cha con mà thôi.

— Con dám chắc mẹ đã xin với cha.

— Con xuống ăn sáng nhé.

— Chờ con sửa soạn chứ.

Bà mẹ rời phòng. Trong lúc tắm gội, cạo râu, thay quần áo, hắn nghe tiếng mẹ chiên xào dưới nhà. Lúc hắn đang ăn sáng đứa em gái mang thư vào.

— Anh dậy sớm làm gì? Không nướng nữa hử?

Hắn nhìn em. Hắn rất thương con bé này vì nó là đứa em gái ngoan nhất. Hắn hỏi em.

— Lấy báo cho anh chưa?

Con bé đưa cho anh tờ Kansas City Star. Hắn dỡ lớp giấy dầu bọc bên ngoài, và mở ngay trang thể thao. Hắn xếp gọn tờ báo, dựng tựa vào chiếc bình nước và tô cốt, để vừa ăn vừa đọc. Bà

mẹ đứng ngay cửa bếp.

— Nè con, đừng làm dơ đó. để dơ, cha con không đọc đâu.

— Không đâu mẹ.

Đứa em gái ngồi xuống bàn, nhìn hẩn đọc báo.

— Anh, chiều nay tụi em chơi banh (baseball) trong trường. Em sẽ ném banh nè.

— Giỏi!

— Em chơi độc hơn mấy thằng con trai nữa đó. Em bảo tụi nó anh dạy em. Mấy con nhỏ kia sức mấy mà giỏi bằng em.

— Ủ.

— Em bảo tụi nó anh là bồ của em. Được không?

— Hừ!

— Bộ làm anh thì không làm bồ được sao?

— Đâu biết.

— Anh biết mà. Chừng em lớn, thì anh làm bồ của em.

— Ủ, thì bây giờ nè.

— Thật hử? - - Thật chứ.

— Thương em không?

— Thương chứ.

— Thương em hoài không?

— Thương mà, đừng hỏi nữa nghe.

— Chiều nay đến xem em chơi không?

— Có thể.

— Hừ! anh hồng thương em. Nếu thương em thì anh phải đến xem em hạ tội nó.

Bà mẹ từ nhà bếp bước vào phòng ăn. Bà cầm chiếc đĩa trên có hai quả trứng chiên, vài lát ba rọi nóng ròn, và một đĩa bánh kiều mạch (buckwheat cakes). Bà mẹ bảo con gái:

— Con chạy đi chơi, để mẹ nói chuyện với anh.

Bà đặt đĩa trứng và thịt xuống mặt bàn, đẩy chai đường mật ăn với bánh về phía trước, đoạn ngồi xuống đối diện với hân.

— Con, bỏ báo xuống. Mẹ muốn nói chuyện với con.

Hân đặt tờ báo xuống xếp lại gọn gàng. Bà mẹ gỡ đôi kính ra.

— Con có kế hoạch gì chưa?

— Chưa!

— Sao chưa? con phải tính chứ?

Không phải bà mẹ gắt gỏng, nhưng bà lo âu.
Hắn trả lời mẹ:

— Con chưa nghĩ qua.

— Con à, Chúa luôn xếp đặt cho mọi người có công việc để làm. Trong nước Chúa, chẳng có bàn tay nào nhàn rỗi vô tích sự cả.

— Con đâu phải ở trong nước Chúa!

— Con à, tất cả chúng ta đều ở trong nước Chúa.

Hắn xấu hổ và bất mãn. Bà mẹ tiếp tục kể lể.

— Mẹ rất lo cho con. Bên ngoài nhiều cám dỗ, và mẹ biết con là người yếu đuối. Ông con, cha con đã kể về cuộc nội chiến làm mẹ sợ hãi, và mẹ luôn cầu nguyện cho con. Mẹ cầu nguyện cho con cả ngày đêm, con ạ.

Hắn cúi nhìn lát thịt nguội lạnh trên đĩa. Bà mẹ thao thao không ngừng.

— Cha cũng lo cho con. Cha nghĩ, con mất đi hoài bão, niềm tin và chưa xác định được hướng đi cho mình. Con biết Charley Simmons chứ? chỉ bằng tuổi con mà nó có công ăn việc làm đàn ông và còn sắp cưới vợ. Mấy đứa con trai

xóm này đã yên nơi yên chỗ. Tụi nó có mục tiêu vạch cho mình hẳn hoi. Rồi con xem, những thằng như Charley Simmons sẽ làm được những điều ích nước lợi dân.

Hắn ngậm cằm chẳng biết trả lời sao với mẹ.

— Con đừng có cái nhìn như thế. Con rõ hơn ai hết, mẹ thương con và mẹ muốn nói để con được tốt. Cha không muốn xen vào quyền tự do riêng tư của con. Ông ấy còn muốn con lái xe, và ra ngoài tiếp xúc với xã hội. Con muốn hò hẹn gặp gỡ cô nào thì tùy ý con. Cha mẹ đều mừng cho con vì cha mẹ muốn con có đời sống thoải mái, nhưng con phải có công ăn việc làm như mọi người. Con làm bất cứ công việc gì cha mẹ cũng không ngại vì công việc nào cũng đều có giá trị và đáng quý, nhưng con phải bắt tay vào mới được. Sáng nay cha bảo mẹ nói cho con hiểu, sau đó con có thể đi gặp cha.

— Chỉ vậy thôi hở mẹ?

— Ừ, con thương mẹ không?

— Không!

Qua chiếc bàn, bà mẹ nhìn hắn. Đôi mắt long

lạnh, bà bật khóc. Hấn bảo:

— Con chẳng thương ai cả.

Bậy quá. Hấn không biết nói sao cho mẹ hiểu, hấn không biết làm sao cho mẹ thấy. Nói ra điều ấy thật bậy, hấn chỉ khiến cho mẹ buồn mà thôi. Hấn bước qua bàn, cầm cánh tay mẹ. Bà mẹ tay ôm lấy đầu khóc nức nở. Hấn tần ngần.

— Con không cố tình. Con đang bức bối. Mẹ ơi, thật sự con không cố tình, chẳng phải con không thương mẹ.

Bà mẹ vẫn khóc. Hấn đặt cánh tay mình lên vai mẹ.

— Mẹ không tin con ư?

Bà mẹ lắc đầu

— Con xin mẹ. Tin con đi mẹ.

Bà mẹ ngược nhìn hấn, ghen ngào.

— Thôi được, mẹ tin con.

Hấn hôn tóc mẹ. Bà mẹ áp má vào hấn.

— Mẹ là mẹ của con. Mẹ đã ẵm bồng con khi con còn bé bỏng.

Hấn bối rối, đầu óc choáng váng mơ hồ.

— Con biết, mẹ. Con đã cố gắng ngoan ngoãn.

Bà mẹ hỏi:

— Con, cầu nguyện với mẹ nhé?

Hai mẹ con quỳ xuống bên cạnh chiếc bàn, đoạn bà mẹ cầu nguyện.

— Con cầu nguyện đi.

— Không được.

— Cố đi con.

— Không được.

— Mẹ cầu nguyện cho con nhé?

— Dạ.

Bà mẹ cầu nguyện cho hần, xong họ đứng dậy. Hần hôn mẹ, đoạn bỏ ra ngoài. Hần đã cố gắng sống bình thường như mọi người, nhưng chưa được. Sự đời nhiều phức tạp còn xa lạ với hần. Hần tội cho mẹ mình, bà đã khiến hần phải nói dối. Nếu hần bỏ lên thành phố (Kansas City) tìm được công ăn việc làm hần bà rất hài lòng. Trước khi đi, hần cần giải quyết một chuyện nữa. Hần sẽ chẳng đến gặp cha mình. Hần tránh điều này vì hần không muốn gây thêm điều rắc rối. Mọi việc xem như tạm ổn. Bây giờ hần muốn đến trường của đứa em gái, xem nó hạ đối thủ.

NƠI KINH ĐÔ THỂ GIỚI

*M*adrid đầy những cậu con trai có tên Paco, vốn là cách gọi tắt của tên Francisco và có một câu chuyện cười Madrid về một ông bố đến thủ đô này và đặt một mẫu tin tìm người thân trên tờ El Liberal nói rằng: Paco, hãy gặp ba ở khách sạn Montana trưa thứ ba, mọi chuyện ba tha thứ hết, và sau đó cả một lũ đoàn vệ binh đã được huy động tới để giải tán tám trăm chàng thanh niên tụ tập ở khách sạn trên vì mẫu nhắn tin đó. Nhưng cậu Paco này, làm hầu bàn ở khách sạn Luarca, không có cha để chờ tha thứ và cũng không có lỗi gì để cha phải tha thứ. Cậu có hai cô chị làm hầu phòng cũng ở Luarca này, hai cô tìm được chỗ làm này nhờ cũng xuất thân từ một ngôi làng nhỏ như một cô hầu phòng ở Luarca trước đây, cô này đã tỏ ra là một người hầu phòng chăm chỉ và ngay thật, nhờ đó tạo tiếng thơm cho ngôi làng và những dân cư ở đó. Hai cô chị đó đã chi tiền xe cho cậu lên Madrid

và xin cho cậu chân hẫu bàn tập sự ở đây. Cậu đến từ ngôi làng nhỏ ở miền Extramadura đó, nơi điều kiện sống cực kỳ sơ khai, thức ăn thì hiếm hoi, không ai biết tới các tiện nghi và cậu đã phải làm việc cực khổ từ khi có trí nhớ.

Cậu có thân hình săn chắc với mái tóc đen và quần, hàm răng đẹp và một làn da đến ngay các cô chị cũng phải ghen tị, cậu còn có một nụ cười cởi mở và hồn nhiên. Cậu rất mau mắn chân tay, làm việc tốt và yêu thương các chị, các cô này trông xinh đẹp và lỗi đời; cậu yêu Madrid vốn thời đó vẫn còn là một nơi ngoài sức tưởng tượng của nhiều người; cậu cũng yêu công việc của mình, dưới ánh đèn sáng sữa, khăn trải bàn tinh tươm, những bộ dạ phục và thức ăn đầy trong bếp, tất cả có vẻ tuyệt vời một cách lãng mạn.

Thường có khoảng từ tám đến hơn chục người sống tại khách sạn Luarca này và ăn uống ở đây nhưng với Paco, người nhỏ tuổi nhất trong ba hẫu bàn, những khách duy nhất thực sự đáng kể là những tay đấu bò.

Những tay đấu bò hạng hai sống ở khách sạn đó bởi vì có một địa chỉ trên đường Calle San Jeronimo cũng là bánh, thức ăn lại ngon còn tiền phòng ốc ăn ở thì rẻ. Một tay đấu bò thì rất cần có mẽ ngoài, nếu không phải một cái mẽ giàu có thì ít nhất cũng là một cái mẽ đáng kính, bởi vì ở Tây Ban Nha, sự lịch duyệt và phong thái đường bộ còn được đánh giá cao hơn cả lòng can đảm, nên các tay đấu bò cứ ở tại Luarca cho đến khi tiêu hết đồng bạc cuối cùng. Không có ghi chép nào cho thấy từng có một tay đấu bò rời khỏi Luarca để đến một khách sạn sang trọng và tiện nghi hơn; các tay đấu bò hạng hai chẳng bao giờ lên được hạng nhất, nhưng cái bước suy tàn từ chỗ Luarca này thì rất nhanh vì những tay trợ ở đó chẳng thấy làm được điều gì đáng kể, và hóa đơn tính tiền chẳng bao giờ được đưa cho khách nếu họ không yêu cầu hoặc cho đến khi bà quản lý khách sạn đánh giá người khách đó đã đến lúc vô vọng.

Vào lúc ấy thì có ba tay đấu bò (matador) sống ở Luarca cùng với hai tay trợ thủ dùng giáo

(picador) lành nghề và một tay trợ thủ dùng mác (banderillero) xuất sắc. Khách sạn Luarca là quá sang trọng đối với các picador và banderillero vốn có gia đình ở Seville nhưng cần lưu trú ở Madrid trong mùa đấu bò những tháng xuân, nhưng họ được trả lương ngon lành và làm việc ổn định cho các đấu thủ đã có hợp đồng đầy đặc trong mùa đấu tới và cả ba tay trợ thủ đó còn kiếm được nhiều tiền hơn bất kì ai trong số ba tay đấu bò kia. Trong nhóm ba tay đấu bò đó, một thì đang bệnh nhưng cố giấu, một thì đã qua cái thời ngắn ngủi được coi là ngôi sao đang lên rồi, và tay thứ ba đã trở thành một kẻ chết nhát.

Tay chết nhát đã từng có thời rất can đảm và khéo léo, cho đến khi hắn bị sừng bò húc một cú chí mạng vào bụng dưới ngay trong mùa đầu tiên hắn được công nhận là matador thực thụ, tuy vậy đến nay hắn vẫn còn giữ được nhiều nét phong thái sôi nổi của những ngày còn thành công rực rỡ. Hắn vui nhộn đến quá lố và thường phá ra cười dù có hay không có chuyện gì vui.

Hồi còn thành đạt, hắn rất ưa những trò vui đùa cợt nhơ nhưng bây giờ hắn phải từ bỏ kiểu đó rồi. Những trò đó đem lại cho hắn cảm giác an tâm vốn hắn đang thiếu. Tay tamador ấy có một khuôn mặt cởi mở và thông minh, hắn còn giữ được nhiều phong cách trong lối sống.

Tay tamador thứ nhì thì đang bị bệnh nhưng lại cẩn thận che giấu điều đó và chú ý ăn chỉ chút đỉnh mọi món được bày lên bàn ăn. Tay này có rất nhiều khăn tay mà hắn tự giặt ủi trong phòng, rồi gần đây hắn phải bán dần những bộ đồ đấu sĩ của mình. Hắn đã bán một bộ với giá rẻ mạt hồi trước Giáng sinh, rồi bán một bộ khác vào đầu tháng Tư. Đó là những bộ đồ rất đắt tiền, luôn được giữ gìn cẩn thận, và hắn chỉ có một bộ nữa. Trước khi bị bệnh, hắn tỏ ra là một đấu sĩ đầy hứa hẹn, thậm chí còn nhẩy bén nữa, và tuy hắn mù chữ, hắn vẫn biết giữ những mẫu báo mô tả hắn, lúc mới khởi nghiệp, như một đấu sĩ còn giỏi hơn cả Belmonte. Hắn thường dùng bữa một mình tại một cái bàn nhỏ và rất ít ngẩng lên.

Tay đấu sĩ chỉ có một thời đang lên ngẩng người thì thấp người, da nâu và trông rất đàng hoàng. Hắn cũng dùng bữa một mình ở một bàn tách biệt, ít khi hắn mỉm cười, còn cười ra tiếng thì chưa bao giờ. Hắn quê ở Valladolid, nơi mà dân cư rất nghiêm trang và hắn đã là một matador tài năng; nhưng phong cách thi đấu của hắn đã trở thành cổ lỗ trước khi hắn kịp làm công chúng say mê bằng những đức tính như lòng can đảm và khả năng trầm tĩnh. Tên của hắn trên tấm bích chương chẳng lôi kéo được ai tới trường đấu. Điều mới mẻ ở hắn là hắn lùn đến nỗi khó nhìn rõ được nhưng u lưng của con bò, nhưng cũng có nhiều đấu sĩ lùn khác, và hắn đã chẳng bao giờ ghi được ấn tượng trong lòng quần chúng.

Còn trong các tay picador, có một tay người gầy, tóc hoa râm, mặt như chim ưng, tuy mảnh khảnh nhưng tay chân cứng như sắt. Gã này luôn đi ủng kiểu dân chăn bò, tối nào cũng uống say và nhìn đắm đuối bất cứ phụ nữ nào trong khách sạn. Người kia thì to lớn, da sạm, mặt

nâu, trông đẹp trai với mớ tóc đen như người da đỏ và đôi bàn tay rất lớn. Cả hai đều là những picador giỏi tuy rằng người thứ nhất bị đánh giá là đã lụi nghề vì các trò rượt chèn và phóng đăng, còn người thứ hai thì bị nói là quá ương ngạnh và ưa cãi cọ đến nỗi khó mà làm trợ thủ cho matador nào quá một mùa được.

Còn tay banderillero thì đã trung niên, tóc hoa râm, vẫn còn nhanh như sóc tuy đã lớn tuổi, và khi ngồi ở bàn trông ông ta cứ như một doanh nhân khá giả. Đôi chân ông ta vẫn còn ngon lành trong mùa này, và khi cần hoạt động thì ông cũng còn đủ thông minh và kinh nghiệm để tiếp tục có được hợp đồng trong một thời gian dài nữa. Điểm khác biệt là khi đôi chân không còn nhanh nhẹn nữa ông ta sẽ luôn cảm thấy sợ hãi ở những nơi mà hiện nay ông ta vẫn còn thấy an tâm và bình thản, cả trong hay ngoài trường đấu.

Tối hôm nay mọi người đều đã rời phòng ăn ngoại trừ tay picador có bộ mặt chim ưng và quen say sưa, một ông chuyên tổ chức bán đấu

giá đồng hồ ở các hội chợ hay lễ hội, trên mặt có vết bột và cũng ưa say sưa; và hai tu sĩ từ Galicia ngồi ở một bàn trong góc và uống cũng đã khá. Hồi đó thì rượu vang được tính chung luôn với tiền ăn tại khách sạn Luarca và các hầu bàn cứ đem thêm những chai vang Valdepenas đến cho tay chuyên bán đấu giá, rồi tay picador, và sau cùng là hai tu sĩ.

Ba cậu hầu bàn đứng ở cuối phòng. Luật ở khách sạn này là họ phải túc trực cho đến khi thực khách ở các bàn do họ phụ trách đều đã đi hết, nhưng cậu trai phục vụ cái bàn có hai tu sĩ lại phải dự một buổi họp nghiệp đoàn và Paco đã đồng ý làm công việc giùm anh ta.

Trên lầu, tay matador bị bệnh đang nằm một mình sắp mặt trên giường. Tay matador có thời đang lên ngăn ngủi đang ngồi nhìn ra cửa sổ chuẩn bị đi tới quán café. Còn anh matador chết nhất đã dụ được một cô chị của Paco vào phòng và rủ cô làm một chuyện gì đó mà cô cứ vừa cười vừa từ chối. Anh matador này nói:

— Làm đi nào, cô bé.

— Không, - cô chị đáp - Sao lại phải làm?

— Thì làm ơn cho anh mà.

— Anh đã ăn no, bây giờ thì dùng tôi như món tráng miệng.

— Chỉ lần này thôi, có hại gì đâu?

— Để tôi yên. Để tôi yên, nghe chưa?

— Chuyện này chỉ có chút xíu thôi mà.

— Để tôi yên, tôi nói rồi đó.

Dưới phòng ăn, anh hầu bàn cao nhất, bị trễ buổi họp; nói:

— Nhìn cái lũ heo đen uống kìa.

— Không nên nói thế, - người bồi bàn thứ hai nói - Họ là những khách hàng đứng đắn. Họ đâu có uống quá lố.

— Còn tôi thì phải nói kiểu đó mới đã, - anh bồi bàn cao đáp - Có hai thứ đáng rửa ở cái xứ Tay Ban Nha này, đó là lũ bò và bọn cha cố.

— Nhưng đâu phải cá nhân một con bò hay thầy tu nào, - người hầu bàn kia nói.

— Phải. Có điều qua các cá nhân ta mới công kích cả tầng lớp được. Cần phải giết từng con bò rồi từng thầy tu. Tất cả lũ đó. Rồi tới lúc không

còn mống nào nữa.

— Chừa cái đó để nói trong cuộc họp, - người bồi kia nói.

— Nhìn thử cái thói mọi rợ của đất Madrid này coi, - anh hầu bàn nói - Mười một giờ rồi rồi mà lũ đó còn ăn nhậu.

— Họ mới bắt đầu ăn lúc mười giờ, - người kia nói - Mà cậu biết là có rất nhiều món. Rượu vang thì rẻ mà họ lại trả tiền rồi. Đâu phải thứ vang nặng gì.

— Làm sao mà có tình đoàn kết công nhân với thứ ngu như ông? - anh hầu bàn cao nói.

— Nè, - người hầu bàn thứ hai nói, ông đã khoảng năm mươi - Tôi đã lao động cả đời. Tôi vẫn phải làm việc trong quãng đời còn lại. Tôi không có gì phàn nàn chuyện lao động. Lao động là chuyện bình thường.

— Phải, nhưng thiếu việc làm là chết.

— Tôi lúc nào cũng phải làm việc, - người hầu bàn lớn tuổi nói - Cậu cứ đi họp đi. Không có gì cần phải ở lại đâu.

— Ông là đồng chí tốt, - anh hầu bàn cao nói -

nhưng thiếu ý thức hệ.

— Mejor si me falta eso que el otro (Thà thiếu ý thức hơn là thiếu việc làm) - người hầu bàn lớn tuổi nói - Thôi cậu đi họp đi.

Paco không nói gì cả. Cậu không hiểu gì về chính trị nhưng mỗi khi nghe anh hầu bàn cao kiêu nói chuyện cần phải giết bọn vệ binh và các thầy tu thì cậu luôn thấy kinh hoàng. Anh hầu bàn cao nói về cách mạng với cậu và cách mạng cũng rất lãng mạn. Chính cậu cũng là một tín đồ Thiên Chúa giáo thuần thành, một nhà cách mạng đồng thời có được việc làm ổn định như hiện nay và cũng là một tay đấu bò nữa.

— Đi họp đi, Ignacio - cậu nói - Để việc em làm cho.

— Hai đứa tôi làm giùm cho, - người hầu bàn lớn tuổi nói thêm.

— Một người làm cũng dư rồi, - Paco nói - Cứ đi họp đi.

— Pues, me voy (Được rồi, tôi đi nhé) - anh hầu bàn cao nói - Và cảm ơn nhiều.

Trong lúc đó, trên lầu, cô chị của Paco đã thoát

khỏi vòng ôm của anh matador một cách khéo léo như một tay đô vật gỡ đòn khóa, và cô nói, bây giờ đã có giọng tức giận. "Đúng là cái lũ đói khát. Thứ đấu sĩ tồi. Anh chỉ còn là một đồng sợ hãi. Còn ngon thì chúng tỏ ở đấu trường đi."

— Đúng là kiểu ăn nói của một con đĩ.

— Đĩ thì cũng là người chứ, mà tôi đâu phải là đĩ.

— Rồi mày sẽ làm đĩ thôi.

— Có làm cũng không thềm nhớ tới mày.

— Đi đi, kệ tao, - anh matador nói, lúc này thấy thối chí và mất giá, anh cảm thấy thối hèn nhát trần trụi đã trở lại với anh.

— Đi hả? Có thứ gì không bỏ mày mà đi? - cô chị nói - Mày không cần tao dọn giường sao? Tao ăn lương để làm chuyện đó mà.

— Đi đi, - anh matador nói, khuôn mặt dễ coi của anh rúm ró lại trông như đang khóc - Đồ đĩ. Đồ đĩ bản thủ.

— Matador, - cô gái nói, đóng sầm cửa lại - ối trời matador!

Trong phòng, anh matador ngồi xuống

giường. Bộ mặt anh vẫn còn nhăn nhúm mà hồi còn ở trường đấu, anh đã biến vẻ nhăn nhúm đó thành một nụ cười thường trực có thể làm hoảng hồn những người ngồi ở hàng ghế đầu nếu họ hiểu họ đang nhìn thấy cái gì. "Vậ đây, - anh nói lên thành tiếng - Vậ đây. Vậ đây!".

Anh vẫn nhớ rõ thời anh còn ngon lành và điều đó chỉ mới cách đây ba năm thôi. Anh còn nhớ độ nặng của chiếc áo khoác đấu sĩ thêu chỉ vàng dày cui nằm trên vai mình trong buổi chiều tháng Năm nóng bức đó, khi mà giọng nói của anh trong trường đấu hay trong quán café thì cũng bình thản như nhau, rồi tới cách anh nhắm mũi gươm chĩa xuống vào đúng đỉnh u vai của con bò, nơi bụi cát bám đầy trên cục bắp thịt đen gỗ cao phủ lớp lông ngắn nhô cao bên trên cặp sừng giang rộng, nhọn hoắc cứ hạ thấp xuống khi anh tiến tới để giết nó. Anh còn nhớ được mũi gươm đã châm vào dễ dàng làm sao như đâm vào một khối bơ đặc trong khi một tay anh nhấn chuôi gươm, tay trái bắt chéo thấp xuống dưới, vai trái chồm tới trước, trọng lượng

thân thể trụ trên chân trái, và rồi thể trọng không còn tựa trên chân nữa. Nó đã chuyển lên phần bụng dưới của anh, rồi khi con hất đầu lên, cái sừng chui tuốt vào trong người anh và anh bị hất tung hai lần trước khi người ta gỡ được anh khỏi cái sừng đó. Nên bây giờ khi anh bước tới để ra đòn cuối cùng, chuyện đó cũng hiếm hoi lắm, anh không dám nhìn vào cặp sừng, và những con đĩ kia thì biết gì về những điều anh đã phải trải qua trước khi chiến đấu chứ? Chúng đã trải qua cái gì mà dám cười vào mặt anh? Chúng chỉ là những con đĩ và chúng biết chúng có thể làm gì với điều đó.

Dưới phòng ăn, tay picador ngồi nhìn các thầy tu. Nếu có phụ nữ trong phòng, gã sẽ nhìn họ. Nếu không có phụ nữ, gã sẽ thích thú nhìn một người ngoại quốc, un inglés (một người Anh) chẳng hạn, nhưng vì không có cả phụ nữ lẫn người nước ngoài, nên bây giờ gã thích thú và ngạo nghễ ngắm nhìn hai ông thầy tu. Khi gã nhìn, tay chuyên viên đấu giá có vết bớt trên mặt đứng dậy, gấp tấm khăn ăn và đi ra, bỏ lại

hơn nữa chai vang vừa kêu sau cùng. Nếu ông ta đã trả tiền đủ mọi khoản ở Luarca này thì lẽ ra ông ta nên uống cạn chai đó.

Hai ông thầy tu không nhìn lại gã picador. Một trong hai ông kể lể: "Cả mười ngày nay tôi chờ gặp ông ấy, suốt ngày tôi ngồi ở phòng chờ mà ông ta vẫn không chịu tiếp."

— Thế làm gì bây giờ?

— Chẳng cách chi hết. Ai làm gì được? Người ta đâu thể chống lại chính quyền.

— Còn tôi ở đây hai tuần không được việc gì cả. Cứ đợi mà người ta không chịu tiếp mình.

— Mình từ xứ nhà quên đến mà. Khi hết tiền thì mình về.

— Về lại chốn quê nhà ấy thôi. Madrid này quan tâm gì tới Galicia? Xứ mình nghèo quá mà.

— Người ta hiểu hoạt động của thầy Basilio chúng ta chứ.

— Tôi chẳng tin tưởng gì vào tính thống nhất của Basilio Alvarez.

— Madrid là nơi để ta học cách hiểu mà. Madrid này giết chết Tây Ban Nha mất.

— Giá như họ tiếp một người rồi từ chối cũng được.

— Không. Cứ bắt chờ đợi là người ta sẽ nhụt chí, mỗi mòn.

— Thôi được, mình sẽ chờ xem. Tôi cũng chờ được như mọi người khác vậy.

Đến lúc đó, gã picador đứng dậy, bước tới bàn của hai ông thầy tu và đứng nhìn họ với bộ mặt chim ưng và mớ tóc hoa râm, rồi mỉm cười.

— Một tay đấu bò, - ông thầy tu nói với ông kia.

— Và là tay đấu bò giỏi, - gã picador nói rồi đi ra khỏi phòng ăn, với áo khoác xám, eo lưng có hoa văn, chân vòng kiềng mặc quần chèn với đôi ủng đế cao, lưng lửng bước đi vẻ vững chãi và mỉm cười với chính mình. Gã sống trong một thế giới nhỏ bé, bó hẹp, đầy tính nhà nghề của những hiệu năng cá nhân, của chiến thắng trong men rượu hàng đêm và của lòng ngạo nghệ. Bây giờ, gã mỗi một điệu xì gà, đẩy lệch cái mũ qua một bên và đi qua khu tiền sảnh để tới quán café.

Hai ông thầy tu cũng đi ra liền ngay sau gã picador với ý thức vội vàng rằng mình là những thực khách cuối cùng, thế là chẳng ai còn trong đó ngoài Paco và người hầu bàn trung niên. Họ dọn bàn và đem những chai rượu vào bếp.

Trong bếp có một chàng trai lo rửa chén. Anh ta lớn hơn Paco ba tuổi, có máu mủ mai mai châm chích hạng nặng.

— Uống nè, - ông hầu bàn đứng tuổi nói và rót một ly Vadelpenas cho anh ta.

— Sợ gì? - anh ta đón lấy ly.

— Còn mày, Paco? - ông hỏi.

— Cám ơn, - Paco đáp và ba người uống với nhau.

— Tao về đây, - người hầu bàn đứng tuổi nói.

— Chúc ngủ ngon, - hai cậu trai đáp.

Ông đi ra và chỉ còn lại hai cậu. Paco cầm tấm khăn ăn của một trong hai ông thầy tu và đứng thẳng, hai gói trụ lại, hạ tấm khăn xuống và với cái đầu theo sát mọi chuyển động, cậu vung tay theo một động tác chậm rãi của chiêu veronica (vung khăn tới và xoay người tại chỗ để né khi

con bò húc vào khăn). Cậu xoay người và đưa chân phải tới chút xíu, lập lại chiêu đó lần thứ nhì, lấn thêm một chút tới gần con bò tưởng tượng hơn và làm lại chiêu đó lần thứ ba, chậm, chính xác và hoa mỹ, rồi thu khăn lại bên eo, cậu xoay hông lách khỏi con bò trong một chiêu mediaveronica.

Anh bồi rửa chén, tên Enrique, nhìn Paco một cách phê phán và giễu cợt.

— Con bò thế nào? - anh ta hỏi.

— Rất lì, - Paco đáp - Coi nè!

Đứng ngay đó, thẳng và mảnh khảnh, cậu lại làm liên tiếp bốn chiêu nữa, nhuần nhuyễn, hoàn hảo, tao nhã và lịch lãm.

— Còn con bò ra sao rồi? - Enrique hỏi, anh đứng tựa ở bồn rửa, vẫn đeo tạp dề phủ ở bụng và ly vang trên tay.

— Còn sung lắm, - Paco đáp.

— Mà làm tao mắc mưa - Enrique nói.

— Sao vậy?

— Coi nè.

Enrique tháo tấm tạp dề ra, và với một con bò

tưởng tượng trước mặt, anh biểu diễn liền bốn chiêu veronica bay bướm và chuẩn xác rồi kết thúc bằng một chiêu rebolera đưa khăn bay một đường vòng cung qua trước mũi con bò trong khi anh bước tránh qua một bên.

— Thấy chưa? - anh nói - Vậy mà tao phải đi rửa chén đó.

— Tại sao?

— Tại sợ, - Enrique đáp - Nỗi sợ hãi này sẽ gặp khi đứng trong trường đấu với một con bò.

— Không, - Paco nói - em sẽ không sợ.

— Leche! (Đồ bơ sữa) - Enrique nói - Ai cũng phải sợ hết. Có điều đấu sĩ thì chế ngự được sợ hãi nên đối đầu với bò được. Tao đã tham dự một cuộc đấu tài tử, tao sợ điếng người, không thể bỏ chạy. Ai cũng nghĩ chuyện như thế là vui lắm. Nên mày cũng sẽ sợ. Nếu không vì sợ hãi thì thằng đánh giày nào ở Tây Ban Nha cũng thành tay đấu bò hết. Dân nhà quê như mày còn sợ hơn cả tao nữa kìa.

— Không đâu, - Paco nói.

Cậu đã làm đi làm lại bao lần trong tưởng

tượng. Quá nhiều lần cậu đã trông thấy những cặp sừng, cái mũi ướt nước của con bò, cái tai co giật, rồi cái đầu cúi xuống và húc tới, tiếng chân bò chạy thùm thụp rồi nguyên con bò nóng hổi phóng lướt qua cậu vung tấm khăn, rồi con bò húc tiếp khi cậu vung khăn lần nữa, rồi lần nữa, lần nữa và lần nữa, rồi kết thúc cậu làm con bò xoay sát thân người cậu bằng chiêu mediaveronica tuyệt vời, rồi cậu lẹ làng bước ra xa con bò, với lông bò còn dính trên những hoa văn vàng chói thêu trên áo khoác của cậu vì con bò lướt qua quá sát; con bò đứng đó như bị thôi miên còn đám đông thì hoan hô ầm ĩ. Không, cậu sẽ không sợ hãi. Người khác thì có đấy, nhưng cậu thì không. Cậu biết mình sẽ không sợ hãi. Thậm chí cho dù có sợ hãi, cậu biết mình vẫn đấu được như thường. Cậu rất tự tin "Tôi sẽ không sợ hãi", cậu nói.

— Đồ bơ sữa - Enrique lại nói, rồi tiếp - Tại mình thử coi nghe?

— Làm sao được?

— Đây nè, - Enrique nói - Mà nghĩ tới con bò

nhưng mày đầu có tính tới cặp sừng của nó. Con bò mạnh lắm nên sừng nó rạch bén như dao, đâm ngọt như lưỡi lê, chết người như cú chùy đập. Coi nè - anh ta mở một ngăn kéo và lấy ra hai con dao xắt thịt - Tao sẽ cột hai con dao này vào chân ghế, tao chĩa ra phía trước đóng vai con bò. Hai con dao là cặp sừng. Nếu mày lướt tránh được thì mới là khá đó.

— Cho mượn khăn choàng của anh đi, - Paco nói - Mình làm thử ngoài phòng ăn đi.

— Thôi đừng, - đột nhiên Enrique mất hẳn giọng cay đắng - Đừng thử, Paco à.

— Cứ làm đi, - Paco nói - Em không sợ đâu.

— Mày sẽ sợ khi thấy dao đâm tới.

— Rồi coi, - Paco nói - Cho mượn khăn choàng của anh đi.

Vào lúc đó, khi Enrique đang cột hai con dao xắt thịt to bản và sắc lẹm vào hai chân ghế bằng hai chiếc khăn ăn dơ ràng quanh nửa chân dao và thắt nút cột chặt vào chân ghế thì hai cô hầu phòng, chị của Paco đang trên đường tới rạp hát xem Greta Garbo trong phim Anna Christie. Còn

hai ông thầy tu, một ông đang mặc quần áo lót ngồi đọc kinh nhật tụng, ông kia mặc đồ ngủ đang lằn chuối hạt. Mọi tay đấu bò, trừ anh chàng bị bệnh, đều đã đến quán café Fornos, ở đó tay picador to con tóc đen đang chơi bida, tay matador nhỏ thó nghiêm trang đang ngồi chung bàn với nhiều người khác trước một ly café sữa, cạnh đó là tay banderillero trung niên và các tay trợ thủ nghiêm trang khác.

Tay picador tóc hoa râm, ưa say sưa đang ngồi với một ly cazalas và thích thú nhìn qua một bàn khác nơi gã matador hiện đã trở nên chết nhát đang ngồi với một matador khác đã bỏ vai trò đấu sĩ chính để làm banderillero, cạnh đó còn có hai ả điểm trông rữ rưỡi.

Ông chuyên viên bán đấu giá đang đứng ở một góc đường trò chuyện với mấy người bạn. Anh hầu bàn cao trong buổi họp nghiệp đoàn đang chờ dịp phát biểu. Ông hầu bàn đứng tuổi đã ngồi trong quán café Alvarez nhâm nhi một ly bia. Bà chủ khách sạn Luarca đã ngủ trong giường, kẹp một cái gối ôm giữa hai đùi; đó là

một người đàn bà to béo, lương thiện, sạch sẽ, dễ tính, sùng đạo và không ngày nào không tưởng nhớ và cầu nguyện cho ông chồng quá cố của mình suốt hai mươi năm nay. Tay matador bị bệnh một mình trong phòng riêng thì nằm úp mặt trên giường với một chiếc khăn tay chặn lấy miệng.

Bây giờ, trong phòng ăn vắng vẻ, Enrique đã cột xong cái nút cuối cùng buộc con dao vào chân ghế và nhấc nó lên. Anh ta chĩa chân ghế có dao tới trước, ở tầm cao trên đầu. Hai con dao hướng tới trước, mỗi con một bên đầu anh ta.

— Nặng đó nghe, - anh ta nói - Coi nè, Paco. Rất nguy hiểm đó. Đừng có thử, - anh ta toát cả mồ hôi.

Paco đứng đối diện anh ta, căng tấm khăn choàng, mép khăn gấp lại thành cục trong mỗi bàn tay của cậu, với ngón trỏ chĩa xuống, ngón cái chĩa lên, căng ra để thu hút ánh mắt bò.

— Húc thẳng tới trước, - cậu nói - rồi quay mình y như bò. Anh muốn húc bao nhiêu lần thì húc.

— Làm sao mày biết lúc nào là lúc xoay cú húc? - Enrique hỏi - Tốt nhất là làm ba cú rồi mới làm một chiêu mediaveronica.

— Được rồi, - Paco nói - Nhưng cứ húc thẳng. Hê, xông tới nào, bò!

Đầu cúi xuống, Enrique xông thẳng tới phía cậu và Paco vùng tấm khăn ngay trước mũi dao khi nó lướt sát trước bụng của cậu, và khi nó qua khỏi, cậu tưởng như nó là cái sừng thực sự, đen mun, dần nhọn sừng trắng. Và khi Enrique đã qua khỏi rồi quay lại tấn công tiếp, cậu thấy nó chính là khối thân thể nóng hực, hai sườn rướm máu của một con bò, rầm rập xông tới, vượt qua cậu, dừng lại, quay mình như một con mèo rồi xông trở lại khi cậu chậm rãi vùng tấm khăn. Rồi con bò lại xoay người và xông tới lần nữa, khi cậu nhắm cái mũi nhọn đang lao tới, chân trái của cậu bước tới trước lỗ mắt khoảng năm phân và con dao đã không lướt qua mà xấn vào người cậu như xấn vào một túi da đựng rượu và có một làn sóng nóng bỏng rất xô tới bên trên và xung quanh lưỡi thép lúc ấy đã đột nhiên cứng

lại và tiếng Enrique gào lên: "ối! ối! Để tao gỡ ra cho! Để tao gỡ ra cho!" và Paco trượt chúi tới cái ghế, tay vẫn cầm tấm khăn, Enrique lôi cái ghế trong khi lưỡi dao cứ xắn vào, xắn vào cậu ta, Paco.

Con dao giờ đã được rút ra và cậu ta ngồi trên sàn nhà giữa vũng máu nóng hổi cứ loang rộng ra.

— Đặt khăn vào đó. Giữ chặt lấy! - Enrique nói - Giữ chặt lấy. Tao chạy đi kêu bác sĩ. Đừng để chảy máu nhiều.

— Phải có cái chén bằng cao su - Paco nói. Cậu đã thấy người ta dùng thứ này ở trường đấu.

— Tao đã húc tới thẳng, - Enrique nói - Tao chỉ muốn cho mày thấy vụ này nguy hiểm thế nào.

— Đừng lo, - Paco nói, giọng cậu như từ xa vọng lại - Gọi bác sĩ đi.

Ở trường đấu, họ sẽ nhắc anh lên, mang đi, cùng chạy với anh, tới phòng giải phẫu. Nếu động mạch đùi của anh cạn hết máu trước khi tới được đó thì người ta sẽ mời cha cố.

— Báo với một trong hai ông cha trong khách

sản - Paco nói, vẫn giữ chặt tấm khăn vào bụng dưới. Cậu không thể tin chuyện này lại xảy đến với mình.

Nhưng Enrique đã chạy dọc theo con đường Carrera San Jeronimo tới trạm cấp cứu trực đêm, bỏ Paco ở lại một mình, ban đầu còn ngồi được, rồi gập người lại và gục xuống sàn, cho đến khi mọi cảm giác qua hết, chỉ thấy sự sống đang thoát ra khỏi cậu như nước bắn chảy qua bồn tắm khi nút chặn đã được rút ra. Cậu kinh hoàng và thấy kiệt sức, cậu cố đọc một lời kinh sám hối và nhớ được bài kinh đó bắt đầu ra sao nhưng trước khi cậu kịp đọc xong, với tốc độ nhanh hết sức mình: "Lạy Chúa, con thực lòng sám hối vì đã xúc phạm Chúa đáng thờ đáng kính và con hết lòng..." thì cậu quá kiệt lực và gục sấp mặt xuống sàn, rồi mọi chuyện kết thúc rất nhanh. Một động mạch đùi bị cắt thì cạn sạch máu nhanh hơn ta tưởng nhiều.

Khi ông bác sĩ từ trạm cấp cứu bước lên những bậc cấp cùng với một cảnh sát đang giữ chặt tay Enrique, thì hai cô chị của Paco vẫn còn ở trong

rạp hát Gran Via, họ rất thất vọng về bộ phim của Garbo trong đó cô tài tử này lại sống trong một bối cảnh hạ lưu thảm thương trong khi họ đã quá quen cô đóng trong những cảnh cực kì xa hoa, tráng lệ. Các khán giả cũng hoàn toàn chán bộ phim này và họ phản đối bằng cách huýt sáo và dậm chân xuống sàn. Tất cả những khách trọ của khách sạn lúc ấy hầu như vẫn tiếp tục làm những việc họ đang làm vào giờ đó, khi tai nạn xảy ra, ngoại trừ hai ông thầy tu đã cầu kinh xong và chuẩn bị đi ngủ, còn tay picador tóc hoa râm đã cầm ly qua ngồi chung bàn với hai ả điếm. Lát sau, gã cùng với một trong hai cô ấy rời quán. Đó chính là cô được tay matador chết nhất mua rượu đãi.

Cậu Paco thì chẳng còn bao giờ biết được bất cứ gì về những chuyện này hay những gì mà các khách trọ này sẽ làm trong ngày hôm sau hay những ngày sau đó nữa. Cậu không hề có khái niệm về việc họ đã thực sự sống thế nào hay họ đã kết thúc ra sao. Cậu thậm chí cũng không nhận ra bọn họ thấy đều đã chấm dứt. Cậu chết

đi, nói theo kiểu Tây Ban Nha, mà lòng đầy những ảo tưởng. Trong đời cậu chưa có lúc để loại bớt bất kỳ ảo tưởng nào, thậm chí đến cuối đời, cũng không đủ thời gian để đọc trọn bài kinh Sám hối.

Cậu cũng chẳng có lúc để bắt mắt với bộ phim của Garbo vốn thời đó đã làm cả Madrid thất vọng suốt một tuần lễ.

CHÚ BÒ THỦY CHUNG

Này đây có một chú bò, tên chú không phải là Ferdinand và chú ta chẳng quan tâm đến bất cứ thứ gì ngoại trừ những bông hoa. Chú thích đánh nhau. Dẫu đã từng so tài với hết thảy những con bò cùng tuổi hay đủ mọi lứa tuổi khác nhau nhưng chú bao giờ cũng là vô địch.

Sừng của chú cứng như loài gỗ quý và nhọn tựa lông nhím. Sau mỗi trận đấu, gốc sừng thường ê ẩm nhưng chú chẳng bận tâm. Cơ trên cổ chú dồn lại thành cục u lớn mà người Tây Ban Nha gọi là morillo. Khối morillo ấy gồ lên như một ngọn đồi nhỏ mỗi khi chú chuẩn bị giao đấu. Chú luôn sẵn sàng chiến đấu, lông, da chú đen bóng, mắt chú phát ra những tia sáng của lòng dũng cảm.

Cái vẻ bề ngoài ấy toát lên nét hiếu chiến và thái độ cao thượng trong cuộc đấu tựa như phong cách của một người lúc ăn, lúc đọc hoặc là đi lễ nhà thờ. Mỗi độ lâm trận, chú đánh hết

mình. Những con bò khác không sợ chú vì chúng cùng có một dòng máu kiêu hùng và ý chí bất khuất.

Nhưng chúng chẳng thích khiêu chiến bởi lẽ chúng chẳng muốn đánh nhau với chú.

Chú không tự kiêu và cũng chẳng độc ác, nhưng chú mê đánh nhau như người ta thích hát, thích làm vua hay làm tổng thống. Chú chẳng hề có tham vọng gì trong giao đấu. Đánh nhau, với chú chỉ là bốn phận, nghĩa vụ và niềm hứng khởi.

Chú giao đấu trên vùng đất sỏi, gồ ghề, trong rừng bần và trên cả cánh đồng cỏ ngọt ngào cạnh dòng sông. Chú chạy mười lăm dặm mỗi ngày, suốt từ bờ sông lên đến những vùng đất xấu. Chú đánh nhau với bất cứ con bò nào nhìn chú. Nhưng chú chẳng bao giờ nổi giận.

Thật không chính xác lắm khi nói như vậy bởi lẽ cơn giận của chú chỉ âm ỷ trong lòng. Nhưng chú chẳng rõ nguồn cơn vì không có thời gian suy xét. Chú rất cao thượng và say sưa chiến trận.

Rồi chuyện gì xảy ra? Nếu bất cứ ai sở hữu một con vật như thế thì họ đều biết ngay chú là con vật vô giá nhưng lại rất lo lắng bởi phải tốn quá nhiều tiền để bồi thường chiến phí do chú gây ra. Những con bò bình thường, trị giá hơn cả ngàn đô la nhưng sau khi đánh nhau với chú thì giá của chúng chỉ còn hai trăm đôla và có khi lại còn thấp hơn.

Thế nên ông chủ của chú, một con người tốt bụng, quyết định giữ chú ta lại để gây giống, thay vì đưa chú đến trường đấu làm vật hi sinh. Từ đó, chú thành nhà truyền giống.

Nhưng chú là con bò kỳ lạ. Ngay khi được thả vào đồng cỏ cùng đàn bò cái, chú đã bị một cô nàng trẻ, đẹp, cân đối, cơ thể tròn lẳn, sáng sủa và đáng yêu hơn tất cả các con bò cái nào khác hấp mất hồn vía. Thế là chú chẳng còn mê chuyện đánh nhau, và chú yêu nàng đến nỗi chẳng đoái hoài gì đến một nàng nào khác. Chú chỉ muốn ở bên cạnh nàng, những cô ả khác chẳng có ý nghĩa gì đối với chú.

Vì cái chuyện này mà người chủ đã bán chú

cùng năm con bò đực khác cho trường đấu. Cuối cùng, chú đành phải xung trận dù rằng con tim chú đang khắc khoải yêu đương. Bởi chú lâm trận rất kiêu hùng cho nên tất thấy người xem đều vô cùng ngưỡng mộ. Thế nhưng chính kẻ giết chú lại là người thán phục chú nhất. Cuối trận đấu, tấm áo choàng của người giết chú - được gọi là đấu sĩ - thì sưng nước, còn miệng anh ta thì khô khốc.

— Con bò cừ thật, - đấu sĩ nói trong khi trao thanh kiếm cho người phụ đấu. Thanh kiếm ấy bị vấy máu đến tận chuôi và máu của trái tim chú bò kiêu hùng chưa hề một lần gặp hiểm nguy trong bất kỳ tình huống nào đang từ lưỡi kiếm rỏ xuống. Xác chú được bốn con ngựa kéo ra khỏi trường đấu.

— Phải rồi, đó là con bò bị Marques ở Villamajor loại ra khỏi trại giống vì nó quá thủy chung, gã giữ kiếm hiểu chuyện nói.

Hắn là tất thấy chúng ta cũng nên chung thủy, đấu sĩ nói.

TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA

1. *Đ*i cũng say. Cả khẩu đội pháo lần đi trong đêm mà say. Chúng tôi đi đến Champagne. Viên trung úy vừa cưỡi ngựa đi ra phía cánh đồng vừa nói một mình: "Tôi nói thật là tôi say rồi, ông bạn già của tôi ơi. Ô, tôi xin quá." Suốt đêm chúng tôi lần dọc theo con đường trong bóng tối và viên sĩ quan văn phòng tiểu đoàn cứ cưỡi ngựa đi bên cạnh chiếc xe hậu cần của tôi mà lải nhải: "Anh phải tắt đi. Nguy hiểm. Nó sẽ bị phát hiện đó" Chúng tôi đã cách mặt trận năm mươi cây số nhưng viên sĩ quan vẫn lo lắng về chuyện lửa củi trong ngăn bếp của tôi. Cứ lần dọc con đường mà đi theo kiểu ấy đúng là buồn cười thật.

Đó là thời tôi làm hỏa đầu quân.

2. Đấu sĩ thứ nhất để cái sừng bò đâm ngang

tay kiếm của mình và đám đông la hét tổng anh ra. Đấu sĩ thứ hai trượt chân, và con bò húc vào bụng anh và anh một tay nắm cứng treo người lên sừng bò còn tay kia ghì chặt chới vào bụng, rồi con bò hất sầm anh vảo hàng rào chắn và cái sừng thò ra thế là anh nằm trong cát, rồi đứng dậy như người say mềm và cố sức đánh những người khiêng anh ra mà la hét cố đòi cho được cây gương, nhưng rồi anh ngất xỉu. Gã đấu sĩ trẻ xuất hiện và phải giết năm con bò bởi vì bạn không thể có nhiều hơn ba đấu sĩ, và đến con bò cuối cùng thì hấn mệt lử đến không cầm nổi lưỡi gươm. Hấn không nhấc cánh tay lên được. Hấn cố gắng năm lần còn đám đông thì lặng đi bởi vì đó là một mảnh thú mà hấn cùng bò đều dùng mảnh như nhau rồi cuối cùng hấn đâm được.

Hấn ngồi xuống cát mà nôn mửa và người ta khoác cái áo choàng lẫn người hấn trong khi đám đông la hét và ném các thứ xuống trường đấu.

3. Những thánh đường Hồi giáo bị kẹt trong

mưa bên ngoài Andrianople ngang qua những vùng đất lầy lội. Xe cô bị kẹt hàng ba mươi dặm dài theo con đường Karagatch. Trâu bò hì hục kéo xe băng qua bùn. Vô chung vô thủy. Xe cứ chất đầy mọi thứ họ có được. ông già và bà lão, ướm đầm người, vừa bước dần tới vừa giữ cho xe di chuyển. Lúc đoàn người gần tới chỗ cây cầu thì Maritza trở vàng. Xe cô kẹt cứng trên cầu cứng những con lạc đà nhấp nhồm suốt hàng dài. Kỵ binh Hy Lạp dồn đoàn người ngựa về phía trước. Đàn bà và trẻ con ngồi trên xe, thu người lại với đủ thứ chăn nệm, gương lược, máy may, các gói bọc linh kính. Có một người phụ nữ mang bầu cùng đứa con gái nhỏ ôm riết cái mền trên người mà khóc. Sợ đến phát khiếp khi phải nhìn cảnh ấy. Trời mưa suốt con đường di tản.

4. Chúng tôi đang ở trong khu vườn tại Mons.

Chàng Buckley bước vào sau cuộc tuần tra ngang sông. Tên Đức đầu tiên tôi nhìn thấy trèo lặn trên bức tường rào. Chúng tôi chờ đến khi hắn đặt được một chân lên rồi mới bắn. Hắn

mang bao nhiêu là thứ trên người và ngạc nhiên đến chết khiếp rồi rơi xuống khu vườn. Thế rồi hơn ba tên nữa trèo lên xa mãi cuối bờ tường. Chúng tôi bắn bọn chúng. Tất thấy bọn chúng đều rơi theo cùng một kiểu.

5. Đó là một ngày nóng khủng khiếp. Chúng tôi đã dựng chắc một chướng ngại vật tuyệt đối hoàn hảo ngang cây cầu. Nó đúng là vô giá. Một tấm lưới sắt đúc lớn đã cũ của mặt trước một căn nhà. Quá nặng không nhấc lên nổi và anh có thể bắn xuyên qua được còn bọn chúng thì phải leo qua. Điều đó đúng là tuyệt vời. Bọn chúng cố leo lên còn chúng tôi thì bắn hạ chúng từ khoảng cách gần 40 mét. Bọn chúng xông tới chỗ chướng ngại vật còn bọn sĩ quan hiện ra trợ trợ và tấn công. Đó là một chướng ngại vật tuyệt đối hoàn hảo. Các sĩ quan chỉ huy của bọn chúng thật giỏi. Chúng tôi choáng váng kinh khủng khi nghe cánh quân mạn sườn tan rã, và chúng tôi phải tháo lui.

6. Họ bắn sáu bộ trưởng chính phủ lúc sáu giờ rưỡi vào buổi sáng tựa sát bờ tường bệnh viện. Có những vũng nước trên khoảng sân bên trong tường. Có những chiếc lá khô dẫm nước trên mặt đá lát của khoảng sân. Trời mưa dữ dội. Mọi cánh cửa chớp của bệnh viện đều được đóng đinh chặt. Một vị bộ trưởng bị sốt thương hàn. Hai người lính kè ông xuống lầu rồi bước vào trong mưa. Họ cố giữ ông đứng lên tựa vào bức tường nhưng ông ngồi ụp xuống vũng nước đọng. Năm người kia đứng chết lặng tựa sát vào tường. Cuối cùng viên sĩ quan bảo lính có cố ép viên bộ trưởng đứng lên cùng chúng ích gì. Khi họ bắn loạt đạn đầu thì viên bộ trưởng đang ngồi bệt trong nước đầu gục lên hai đầu gối.

7. Nick ngồi tựa vào bờ tường nhà thờ nơi người ta kéo anh đến để tránh khẩu súng máy đang nhả đạn trên đường. Cả hai chân thò ra một cách bất tiện. Anh bị thương ở xương sống. Khuôn mặt anh dẫm mồ hôi và bắn thủy. Mặt trời rơi lên mặt anh. Ngày rất nóng. Rinaldi,

lưng to, quần trang quần dụng vải xò ra, nằm úp mặt tựa sát bờ tường. Nick nhìn thẳng tới trước rạng rỡ. Bờ tường màu hồng của ngôi nhà đối diện đã sụp từ mái nhà xuống, và một khung giường sắt bị treo tòn ten quay ra phía đường. Hai người Áo chết nằm trong ngổn ngang gạch đá chỗ bóng ngăn của ngôi nhà. Trên phía đường là một người chết khác. Các thứ đang được chuyển vào thành phố. Tình hình đang tốt ra. Bây giờ những người khiêng băng ca có thể đi ngang dọc tùy thích. Nick quay đầu và nhìn xuống Rinaldi. "Sentse Rinaldi, Senta. Anh và tôi chúng ta đang làm một cuộc hoà bình riêng lẻ. Rinaldi vẫn nằm trong nắng, thở khó khăn. " Chúng mình không phải là những người yêu nước." Nick quay đầu đi, cười đầm mồ hôi. Rinaldi là một thánh giả chán ngắt.

8. Trong khi trận oanh tạc đánh giao thông hào nát ra từng mảnh tại Fossalta, hắn nằm bẹp dí người đầm mồ hôi và cầu nguyện, "Ôi Jesus Christ xin ngài mang con ra khỏi chốn này.

Jesus lòng lạnh, xin làm ơn mang con ra. Christ, xin làm ơn, làm ơn, làm ơn, Christ. Nếu ngài chỉ cần cứu con khỏi bị giết con sẽ làm bất cứ điều gì ngài bảo. Con tin tưởng nơi ngài và con sẽ nói với tất cả mọi người để họ tìm vào thế giới mà ngài là đấng duy nhất làm chủ. Xin làm ơn, làm ơn, Jesus lòng lạnh." Cuộc bắn phá chuyển lên mọi phía trên phòng tuyến. Chúng tôi đến làm việc nơi giao thông hào và vào buổi sáng mặt trời lên còn ngày thì nóng và oi nồng và chói lọi và tĩnh lặng. Đêm sau trở lại Mestre hấn chẳng nói gì với người con gái cùng hấn đi lên lầu tại Villa Rossa về Jesus. Và hấn chẳng bao giờ nói với bất cứ ai.

9. Lúc 2 giờ sáng hai gã Hungary đi vào tiệm thuốc lá ở góc đường Số 15 và Đại Lộ. Drevitts và Boyle lái chiếc xe Ford chạy ngược lên từ trạm cảnh sát đường Số 15. Những người Hungary đang lùi chiếc xe ngựa ra khỏi con hẻm. Boyle bắn một phát vào chỗ ngồi trên chiếc xe ngựa và một phát xuyên qua thùng xe. Drevitts hoảng sợ

khi gã nhận thấy cả hai đều chết. Quỷ tha ma bắt mày Jimmy, gã nói, mày không nên làm chuyện đó. Như vậy là sắp sửa bị một lô một lốc phiền toái.

— Chúng là bọn lừa đảo phải không nào? Boyle nói. Chúng là bọn Nam Âu phải không nào? Thằng trời đánh nào lại đi gây rắc rối làm gì?

— Lần này thì được rồi, Drevitts nói, nhưng làm sao mày biết họ là bọn Nam Âu khi mày bắn.

— Bọn Nam Âu mà, Boyle nói, cách một dặm đường tao cũng có thể nói được bọn chúng là Nam Âu.

10. Một buổi chiều nóng ở Milan họ đưa anh lên trên mái nhà và anh có thể nhìn ra xa bên trên thành phố những con chim én nâu sậm màu ống khói bay trên bầu trời. Một lát sau trời tối và ánh đèn pha hiện ra. Những người khác đi xuống và mang theo chai lọ. Anh và Ag có thể nghe tiếng họ bên dưới phía ban công. Ag ngồi trên giường. Nàng tươi mát trong đêm oi nồng.

Ag còn trực đêm trong ba tháng. Người ta vui

vẽ để nàng trực. Khi họ mỗ cho anh nàng chuẩn bị cho anh bàn mỗ và họ cười đùa về chuyện bè bạn hoặc chuyện thụt rửa vết thương. Anh bị đánh thuốc mê cứ phải cố giữ chặt lấy lòng mình nhờ thế anh sẽ không bép xép chuyện gì cả trong suốt thời gian mê man lơ ngơ. Sau khi anh đi nàng anh thường cứ đo thân nhiệt cho nên Ag chẳng thể rời khỏi giường. Chỉ có một vài bệnh nhân và bọn họ đều biết chuyện đó. Tất cả bọn họ đều thích Ag. Lúc đi tới đi lui trên mấy hành lang anh thường nghĩ tới Ag nơi giường nằm của anh.

Trước lúc anh trở lại mặt trận họ đi vào nhà thờ Duomo và cầu nguyện. Trời chập choạng tối và tĩnh lặng, có mấy người nữa đang cầu nguyện. Họ muốn làm đám cưới nhưng không đủ thời gian để rao hôn trong nhà thờ, và cả hai đều không có khai sanh. Họ cảm thấy như thế đã cưới nhau rồi nhưng họ muốn mọi người biết và thừa nhận chuyện cưới xin của họ để họ không thể mất nhau.

Ag viết cho anh nhiều thư nhưng anh chẳng

nhận được cho đến sau khi đình chiến. Mười lăm bức bó thành một bó và anh sắp chúng theo thứ tự thời gian rồi đọc một mạch. Tất cả các bức thư đều viết về bệnh viện, về chuyện nàng đã yêu anh nhiều đến thế nào và chuyện nàng không thể sống nổi nếu thiếu anh và đêm khủng khiếp biết chừng nào khi không có anh bên cạnh.

Sau đình chiến họ nhất trí là anh nên trở về nhằm tìm việc làm để họ có thể cưới nhau. Ag không muốn quay về cho đến khi anh đã có việc làm ổn định và có thể đến New York để gặp nàng. Anh không uống rượu và không muốn gặp bạn bè hay bất cứ ai trong liên bang là điều dễ hiểu. Chỉ tìm được việc và cưới vợ. Trên chuyến tàu lửa từ Padova đến Milan họ cãi nhau về chuyện nàng không sẵn lòng trở về nhà ngay. Khi họ phải nói lời chia tay trong nhà ga ở Padova họ hôn tạm biệt nhưng lại không ngừng cãi cọ. Họ cảm thấy buồn khi phải nói lời chia tay như thế. Anh về Mỹ trên con tàu từ Genoa. Ag trở lại Torre di Mosta để mở bệnh viện. Nơi

đó cứ mưa và hiu quạnh rồi có một tiểu đoàn arditi đóng quân trong thành phố. Sống trong cái thành phố mưa, bùn vào mùa đông, viên thiếu tá tiểu đoàn trưởng ve vãn Ag, mà nàng thì trước đó chưa hề biết gì về người Ý, rồi cuối cùng viết thư gửi về Liên bang bảo rằng chuyện của họ chỉ là chuyện của hai cô cậu trẻ con. Nàng xin lỗi, và nàng biết anh có thể không hiểu được nhưng rồi hôm nào đó lại có thể tha thứ cho nàng, và biết ơn nàng, rồi hoàn toàn bất ngờ khi nàng hi vọng rằng mình sẽ làm đám cưới vào mùa xuân. Nàng mãi mãi yêu anh, nhưng bây giờ nàng nhận ra rằng đó chỉ là tình yêu của hai cô cậu trẻ con. Nàng mong rằng anh sẽ có một sự nghiệp lớn, và hoàn toàn tin tưởng anh. Nàng biết mọi việc rồi sẽ tốt đẹp.

Viên thiếu tá không cưới nàng vào mùa xuân hay bất cứ thời gian nào khác. Ag chẳng nhận được một câu trả lời nào cho bức thư nàng gửi đến Chicago viết về chuyện này. Một thời gian ngắn sau anh mắc bệnh giang mai do một cô nàng bán hàng tại Hội Chợ trong khi anh đi taxi

ngang qua công viên Lincoln.

11. Vào năm 1919 hần đi du lịch trên xe lửa ở Ý, mang theo một vuông vải dầu do trung ương đảng cấp được viết bằng bút chì không tẩy được cho biết đây là một đồng chí đã từng chịu đau khổ nhiều dưới tay bọn trắng ở Budapest và kêu gọi các đồng chí giúp đỡ bằng bất cứ cách nào. Hần sử dụng cái vuông vải ấy thay cho vé tàu, hần nhút nhát và còn quá trẻ và nhân viên đường sắt cứ thế đưa hần từ hết nhóm này đến nhóm khác. Hần không có tiền, và người ta cho hần ăn đằng sau quầy hàng trong nhà ăn ở ga. Hần rất mê nước Ý, đó là một xứ sở tuyệt vời. Tất cả mọi người đều tử tế. Hần đã đến nhiều thành phố, đi đã lắm và xem nhiều tranh. Giotto, Masaccio, và Piero della Francesca thì hần mua những phiên bản rồi đem gói lại trong tờ báo Avanti. Mantegna thì hần không thích. Hần trình diện ở Bologla, và tôi đưa hần đi với tôi lên Romaglla nơi đây tôi cần đến thăm một người. Chúng tôi cùng có một chuyến đi thú vị.

Bấy giờ là đầu tháng chín và vùng quê tươi đẹp. Hấn là một gã Magyar, một thanh niên rất đẹp trai và quá nhút nhát. Những người Horthy đã làm một vài điều xấu với hấn. Hấn nói sơ sài về chuyện đó. Mặc dù ở Italy, hấn hoàn toàn tin vào cuộc cách mạng thế giới.

— Nhưng ở Ý phong trào diễn biến thế nào? Hấn hỏi.

— Rất tệ, tôi nói.

— Nhưng rồi sẽ tốt hơn, hấn nói. Nơi đây người ta có mọi thứ đây là một xứ sở mà mọi người đều chắc chắn về nó. Đó sẽ là khởi điểm của mọi thứ.

Tại Bologna hấn tạm biệt chúng tôi để tiếp tục đáp tàu đến Milano và sau đó là Aosta để đi bộ ngang qua đèo vào Thụy Sĩ. Tôi nói với hấn về những bức tranh của Manteglla ở Milano. Không hấn nói rất bền lễn. Hấn không thích Manteglla. Tôi ghi cho hấn nơi ăn uống ở Milano và địa chỉ của những người đồng chí. Hấn cảm ơn tôi rất nhiều, nhưng tâm trí hấn thì đã hướng cả vào việc đi bộ vượt đèo. Hấn rất nôn nóng đi bộ vượt

đèo trong khi thời tiết còn tốt. Tin cuối cùng tôi nghe được về hắn là người Thụy Sĩ đã nhốt hắn vào nhà lao gần Sion.

12. Họ đập- đập mạnh lên đôi chân con ngựa trắng và nó tự hất đầu gối lên. Người kị sĩ cầm thương xoay thẳng cái bàn đạp rồi kéo và nhấc mạnh mình lên yên ngựa. Phần bụng ngựa treo thõng xuống thành một bó màu xanh và lắc lưi lắc tới khi bắt đầu phi nước kiệu, những gã phụ đấu (monos) lấy roi quất phía sau chân chú chàng. Chú chàng uể oải phi nước kiệu dọc theo bờ tường quanh trường đấu. Chú ta đứng cứng ngắt lại và một trong những gã phụ đấu nắm bộ dây cương rồi dẫn chú chàng bước về phía trước. Người kị sĩ cầm cương đá vào đỉnh thúc ngựa nghiêng về phía trước và phóng cây giáo vào con bò. Máu phun đều đều từ giữa hai chân trước con ngựa. Nó loang choạng thẳng thốt. Con bò chần chừ không tấn công.

13. Đám đông la hét suốt và ném các mẩu

bánh mì xuống trường đấu rồi là những tấm đệm và các bịch rượu bằng da, tiếp tục huýt sáo và hò reo ầm ĩ. Cuối cùng con bò cũng quá mệt do bị quá nhiều cú đâm và gập đầu gối lại rồi nằm quì xuống và rồi một đấu sĩ phụ (cuadrilla) nghiêng người bên trên cổ con bò và đâm cú lê an ủi (puntillo). Đám đông ào tới hàng rào chắn và vây lấy đấu sĩ chuyên nghiệp (torero) rồi hai người túm lấy anh mà giữ chặt rồi ai đó cắt phăng búi tóc của anh đi mà vùng vẫy rồi một gã thanh niên tóm lấy nó mà chạy biến mất. Về sau tôi gặp lại anh tại tiệm cà phê. Anh lùn tè mặt nâu sẫm và say quắc nói rằng rất cuộc trước đây cũng xảy ra y như vậy. Thực sự tôi không phải là đấu sĩ cừ.

14. Nếu nó xảy ra ngay sát sàn sạt trước mặt anh, anh có thể nhìn thấy Villalta gầm gừ với con bò và nguyên rửa nó, và lúc con bò tấn công anh liền ngoặt ra phía sau chắc nịch như một cây sồi khi gió đập, hai chân anh siết chặt vào nhau, tấm vải đỏ kéo lê còn lưỡi kiếm nà theo

thành một đường cong phía sau. Đoạn anh nguyên rửa con bò, nhứ nhứ tấm vải đỏ trước mũi nó, rồi oằn người ra sau tránh cú húc hai chân anh vẫn trụ vững, tấm vải đỏ oằn đi và mỗi lần như thế đám đông lại la hét.

Khi anh bắt đầu dứt điểm thì tất cả trong cùng một cú ào tới. Con bò nhìn thẳng vào anh, cắn hận. Trong cùng một đợt chuyển động anh rút kiếm khỏi những nếp gấp của tấm vải đỏ và quan sát đoạn gọi con bò, Toro! Toro! rồi con bò tấn công và villata tấn công và ngay chớp mắt ấy cả hai thành một. Villalta nhập thành một với con bò và thế là xong. Vinalta đứng thẳng còn chuôi kiếm đỏ ló ra lơ lơ giữa hai vai con bò. Villalta tay vẩy đám đông còn con bò rống lên đầy máu, nhìn xoáy vào Villalta rồi chân từ từ sụp xuống.

15. Tôi nghe tiếng trống đi dần xuống phố thế rồi là sáo là kèn. Và họ tiến vòng qua góc đường, tất cả đều nhẩy. Con đường đầy bọn họ. Maera nhìn thấy hấn và rồi tôi nhìn thấy hấn. Khi họ

dừng nhạc khom người thì hắn cũng theo họ gặp người sát đường và khi họ bắt đầu chơi trở lại thì hắn nhảy lên và cũng lướt múa dưới đường. Hắn say mười mười rồi.

— Anh xuống đi theo sau hắn, Maera nói, hắn ghét tôi.

Thế là tôi đi xuống và đuổi kịp họ và tóm lấy hắn mà nói lúc hắn khom người xuống chờ nhạc hòng thoát khỏi tay tôi. Nhanh lên nào Luis. Vì Chúa anh còn lữ bò chiều nay nữa. Hắn không thèm nghe tôi, hắn đang căng tai lắng nghe tiếng nhạc mà nhảy.

Tôi nói: Đừng có khùng quá Luis. Hãy trở lại khách sạn đi.

Rồi nhạc lại trở lên rồi hắn nhảy lên rồi ngoáy người thoát khỏi tay tôi rồi bắt đầu múa. Tôi tóm lấy tay hắn và hắn kéo thoát ra và nói. Ồ, để tao yên. Mà chẳng phải bố tao.

Tôi trở về khách sạn còn Maera thì đứng ngoài ban công nhìn ra xem tôi có đưa được hắn về không. Anh đi vào khi nhìn thấy tôi rồi đi xuống cầu thang mà kinh hãi.

—Ồ, tôi nói, rồi cuộc hăn chỉ và một gã Mễ Tây Cơ dốt nát man rợ.

—Vâng, Maera nói, rồi ai sẽ giết những con bò của hăn sau khi hăn bị hất tung.

—Tôi cho là chúng ta, tôi nói.

—Vâng, chúng ta, Maera nói. Chúng ta giết bò của những tên man rợ, và bò của những thằng say, và bò của những gã nhảy riau riau. Vâng. Chúng ta sẽ giết chúng. Chúng ta sẽ giết chúng được thôi. Vâng. Vâng. Vâng.

16. Maera vẫn nằm, đầu kê trên hai tay, mặt vùi vào cát. Anh cảm thấy ấm áp và nhớp nháp từ chỗ vết thương máu chảy. Mỗi lần anh cảm thấy cái sừng trờ tới. Đôi khi con bò chỉ dùng đầu húc vào anh. Có lần cái sừng lia một đường xuyên vào anh và anh cảm thấy nó chui vào trong cát. Ai đó đã kéo đuôi con bò. Bọn họ đang nguyên rửa và đang đưa cái áo khoác ngăn trước mặt nó. Thế là con bò bỏ đi. Một vài người đã đỡ Maera dậy rồi bắt đầu mang anh chạy về phía hàng rào xuyên qua cổng thoát ra lối hành lang

vòng dưới khán đài lớn mà tới phòng y tế. Họ đặt Maera xuống cái giường nhỏ rồi một người đi gọi bác sĩ. Vị bác sĩ chạy từ bãi quây súc vật nơi ông đang khâu vết thương cho những con ngựa của các kỵ sĩ tới. Ông phải dừng lại mà rửa tay. Có một tiếng thét to vang lên nơi khán đài phía trên đầu. Maera muốn nói một điều gì đó và thấy rằng mình không thể nói nổi. Maera cảm thấy mọi vật lớn ra và lớn ra và rồi lại nhỏ đi và nhỏ đi. Đoạn lại lớn ra và lớn ra và lớn ra và rồi nhỏ và nhỏ đi. Thế rồi mọi vật bắt đầu chạy nhanh hơn và nhanh hơn như khi người ta tăng tốc độ của phim. Rồi anh chết.

17. Bọn chúng treo Sam Cardinella lúc sáu giờ sáng trong hành lang của một nhà tù tỉnh. Hành lang thì dài và hẹp, hai bên là hai dãy xà lim. Xà lim nào cũng chật người. Tù nhân bị mang vào đó treo cổ. Năm người đàn ông bị kết án treo cổ thì ở trong năm cái xà lim đầu hồi. Ba trong số những người đàn ông bị treo cổ là người da đen. Họ rất khiếp đảm. Một trong hai người

đàn ông da trắng thì ngồi trên chiếc giường hẹp lấy hai tay ôm đầu. Người kia thì nằm bẹp trên giường với cái mền trùm kín đầu.

Bọn chúng đi qua một cái cửa âm trong tường mà bước lên giá treo cổ. Có chừng sáu, bảy người kể cả hai linh mục. Bọn chúng vác sam Cardinella. Khoảng từ bốn giờ sáng ông ta đã như thế rồi.

Trong khi bọn chúng cột hai chân ông lại thì hai gã cai ngục kéo thẳng ông ra còn hai vị linh mục thì thì thầm với ông. "Hãy là người, con của ta." một vị linh mục nói. Khi bọn đội mũ lưỡi trai đến rà lại cái thân hồn của ông thì Sam Cardinella hết điều khiển nổi các bắp cơ thắt.

Những gã cai ngục đang giữ người ông bèn thả ra. Cả hai đều kinh hãi. "Này Wil1, lấy cái ghế chứ?", một gã cai ngục hỏi. "Có một cái thì tốt hơn, một gã đàn ông đội mũ quả dừa nói.

Khi tất cả bọn chúng bước quay lên giàn giáo đằng sau cái cửa sập rất nặng, làm bằng gỗ sồi và thép lắc lư trên bộ bạc đạn thì Sam Cardinella vẫn đang ngồi ở đó bị dây thừng cột chặt quanh

cổ, vị linh mục trẻ hơn vừa quì bên chiếc ghế vừa giữ thẳng cây thánh giá. Vị linh mục nháy mắt lên trên giàn giáo ngay trước khi cái cửa sập sập xuống.

18. Nhà vua đang làm vườn. Ông hình như rất vui khi gặp tôi. Chúng tôi đi dạo trong vườn. Đây là hoàng hậu, ông nói. Bà đang tưới một bụi hồng.Ồ chào anh, bà nói. Chúng tôi ngồi xuống cái bàn dưới một gốc cây to và nhà vua sai mang whisky và soda đến. Dẫu sao thì chúng ta cũng có rượu ngon, ông nói. Hội đồng cách mạng, ông cho tôi biết, không cho phép ông ra khỏi khu đất quanh cung điện. Tôi tin Plastiras là một người đàn ông rất tốt, ông nói, nhưng khó khăn khiếm. Dù vậy tôi vẫn nghĩ rằng ông ta bắn bọn ấy là đúng. Giá Kerensky mà bắn vài gã thì nhiều chuyện đã hoàn toàn khác rồi. Dĩ nhiên điều vĩ đại trong chuyện này là chính mình không bị bắn.

Đúng là rất vui vẻ. Chúng tôi nói chuyện hồi lâu. Giống như mọi người Hy Lạp, ông muốn đến Mỹ.

SỰ PHÁN XỬ CỦA MANITOU

Nick Haywood gài cổ áo khoác len dày đến tận mang tai, kéo cái súng trường treo chỗ gác nai bên trên lò sưởi trong lán xuống và mang đôi găng tay da dày vào. "Này Pierre tao sẽ đi theo con đường đó đến Loon River", hắn nói. "Quả thật ma bắt, nhưng trời lạnh quá". Hắn liếc nhìn chiếc hàn thử biểu. "Bốn mươi hai độ dưới không! Nào tạm biệt Pierre. Pierre chỉ lằm bằm trong miệng khi đang uốn éo trong đôi giày trượt tuyết. Dick đã bước những bước dài lắc lư ra đi qua lớp tuyết mỏng trong đôi giày trượt tuyết của một người trên vùng đất cằn cỗi.

Ở chỗ cửa lán Pierle đứng nhìn theo lúc Dick đang bước lắc lư. Hắn cười một cách độc ác với chính mình. Kẻ cắp cho rằng việc đổ lỗi sẽ dễ chịu hơn khi hắn khập khiễng một chân ngoài trời như con thỏ Wah-boy. Chắc hắn ăn cắp tiền

của mình chứ còn gì nữa. Pierre đóng sầm cánh cửa nặng ì, ném một ít củi vào lò sưởi và bò vào lán.

Khi Dick Haywood đi, hắn nói với chính mình như nói với những kẻ đi vào "nơi u tịch". Mình không biết sao Pierre hay kêu ca chỉ vì hắn mất tiền? Mình cá là hắn chỉ để bày đầu đó thôi. Tất cả những điều hắn làm bây giờ là lằm bằm như một con heo cái kính và thỉnh thoảng mình lại thấy hắn nhìn mình với vẻ giảo quyết từ phía sau lưng. Nếu hắn nghĩ mình lấy tiền của hắn sao hắn không nói thẳng ra với mình đi! Vì sao, hắn thường vui vẻ cười đùa lắm mà; Ở Missaibanal khi mình và hắn đồng ý trở thành bạn đồng hành của nhau rồi khi bị kẹt ở khu Ungava, mình đã nghĩ hắn là một người bạn đồng hành tốt vui vẻ nhưng cả tuần rồi đến giờ hắn cũng chưa nói với mình ngoại trừ lằm bằm hoặc chửi thề bằng thứ tiếng Cree đó.

Đó là một ngày trời lạnh, nhưng là cái lạnh khô, cái lạnh làm cho khỏe khoắn của vùng đất phía bắc và Dick khoái cái không khí khô se đó.

Hắn là một đứa đi giày trượt tuyết giỏi và hắn đi năm dặm đầu tiên của con đường đá ba-dan thật nhanh, nhưng dù thế nào đi nữa hắn cũng cảm thấy có cái gì đó đang theo hắn và hắn liếc quanh nhiều lần mà lần nào cũng chỉ để thất vọng. Mình đoán chỉ có Kootzie-ootzie thôi. Hắn lăm thầm với chính mình, bởi vì miền bắc khi nào người ta không hiểu về một điều gì thì họ đổ thừa cho một vị tiểu ác thần của thượng đế. Thành linh Dick đi vào chỗ trống cây vân sam, chân hắn bị giật mạnh lên trời cao. Khi đầu hắn tránh được cú đập do va vào lớp tuyết hắn cảm thấy mình bị treo lơ lửng trong không trung bằng một sợi dây thừng cột vào một thân cây vân sam uốn cong tạo ra một lực đàn hồi của một cái bẫy dùng để bắt thỏ - Những ngón tay trần của hắn chạm vào lớp tuyết và khi hắn vùng vẫy thì sợi thừng ở chân hắn càng lúc càng siết chặt, hắn thấy được cái mà trước đó hắn chỉ mới cảm thấy là đi theo hắn. Ngoài bìa rừng một đàn sói gầy guộc màu trắng toát, đói meo, từ từ rảo bước rồi ngồi xổm xuống quay thành

vòng quanh hắn.

Phía sau trong lán, nằm trên sạp, Pierre đã bị những tiếng gầm gừ trên đầu đánh thức, hắn từ từ đưa mắt nhìn lên rui nhà, hắn thấy một con sóc màu đỏ đang lằng xằng gặm chiếc bóp da bị đánh mất của hắn. Hắn nghĩ đến cái bầy hắn làm cho Dick, và từ trên sạp, hắn bật dậy, vớ lấy cái súng, cởi áo khoác và găng tay chạy như điên theo con đường mòn.

Chạy một hồi, hụt hơi., mồm há hốc, nghẹn lại, hắn tình cờ gặp một lùm vân sam. Hai con quạ thôi không mổ vào cái gì đó méo mó, cái gì đó đã từng là Dick Haywood, rồi chúng uể oải vỗ cánh bay vào một cây vân sam kế đó. Trên mặt tuyết vấy máu là dấu vết của My-in-gau, con sói xám.

Khi bước về phía trước, Pierre cảm thấy cái cán tay lách cách của chiếc bẫy gấu mà Dick đã đến để thăm chừng nằm sát dưới chân hắn. Hắn ngã chúi và khi nằm trên mặt tuyết hắn nói " Đó là sự phán xử của Manitou. Mình sẽ cứu con sói nguy hiểm My-in-gau.

Rồi hắn vớ lấy khẩu súng.

CHUYỆN MÀU SẮC

Cái gì, mà chưa bao giờ nghe kể chuyện về trận đánh đầu tiên của Joe Gang à? Lão già Bom Amstrong vừa nói vừa kéo giắt chiếc găng.

— Nào, con trai, thằng nhóc mà tao vừa dạy cho một bài học đó làm tao nhớ đến tên Thụy Điển, kẻ đã làm đổ vỡ cái kế hoạch hoàn hảo mà tụi tao đã gần thành công...

Giờ thì chuyện đó đã xưa rích rồi; nhưng nó sao tao kể y vậy.

Ngược về khoảng năm 1902, tao đang làm quản lý cho một anh chàng võ sĩ hạng nhẹ tên là Montana Dan Mogan. Cái gã Dan này là một trong những anh chàng táo bạo, sống thanh bần, và chỉ biết có chơi thôi, nhưng không kể những trò chơi dùng chân đá, cú đá chân phải thì mạnh như một con la còn cú đá chân trái thì yếu xiu. Tao khá thân mật với con người đó và tụi tao thường đi nhặt những đồng xu khác nhau mà đánh với những thằng ranh bên ngoài

cái câu lạc bộ Olympic cũ xì đó.

Dan đang trở thành một tay đấm có tầm cỡ, và bằng cách dùng cú đấm tay phải mạnh bạo, làm áp đảo đối phương, hắn đã hoàn toàn tạo được tiếng tăm. Vậy là tao đã tìm ra được một anh chàng tương xứng với Jim O Rourke, con ngựa già thử nghiệm. Thằng bé có thể đánh sái quai hàm và Jim ngắt đi mười giây là chuyện khỏe thôi. Vì thế một ngày kia Pete Mc Carthy đến, hắn nói có một tay chơi nghiệp dư muốn tham gia và muốn tao ký với hắn cho Dan đấu hai mươi hiệp ở Verllon. Joe Gang, Pete nói đó là tên của tay đấu nghiệp dư kia, mà tới lúc đó tao chưa bao giờ nghe nói đến.

Tao nghĩ thật lạ lùng khi Pete đến với một hợp đồng, trong đó có điều khoản là được bồi thường năm trăm đô nếu đối phương không thượng đài. Nhưng tại sao tính thượng đài được nên tao ký.

Nào, tại sao tao không tập luyện nhiều cho trận đấu, mà còn hai ngày nữa thì trận đấu diễn ra, Dan đến chỗ tao và nói: Bob, nhìn bàn tay này này.

Hắn chìa nắm đấm tay phải ra, và ngay trên cổ tay là một cục như một cái trứng chim câu.

— Chúa ơi, Dan sao mày bị cái đó vậy?

— Cái túi hồng lò ra khi tôi thoi vào, còn tôi thì bị đấm ngay vào người.

Tao kêu ré lên.

Nào, giờ thì mày đã làm ra cơ sự như vậy đó, có năm trăm thẳng bằng sắt trong khoản bồi thường (500 đô-la) và tao đã ký hết mọi thứ vì tao tin mày sẽ thắng nóc-au.

Tôi không thể nào tránh được, cái túi không được buộc đúng, dù sao tôi cũng sẽ đánh.

— Đúng vậy, mày sẽ đánh bằng tay trái, mà mày đánh tay trái thì không làm nên trò trống gì cả.

Bob Dan nói, Tôi có một kế hoạch. Ông biết cái chuông ở cái câu lạc bộ Olympic đó nó kêu như thế nào rồi chứ gì? Tận trên sân khấu với tám vải màn buông xuống phía sau? Nào ở hiệp một, trước khi bọn chúng phát hiện ra cái chân chèo tệ hại của tôi, tôi sẽ tống khứ vào cái màn (ông biết Joe là một tên rất chuông màu sắc), rồi ông

bảo ai phía sau màn lấy cái gậy nện vào đầu hắn.

Này lẽ ra tao đã nổi cơn tam bành rồi. Đó là một sự đổ vấy quá ấu trĩ mà. Mày biết đó chỉ là vì chúng tao không thể thua. Việc ấy diễn ra nhanh quá không ai phát hiện được. Rồi tụi tao lấy lại bình tĩnh và bỏ đi. Thế là tao đi ra ngoài cầm cái đồng hồ, đặt thêm hai mươi đô nữa cho thằng Dan thắng nốc-au. Rồi tụi tao đi Vernon thuê một tên Thụy Điển to khỏe để làm cái trò tếu táo đó.

Ngày thì đầu lai sáng sủa và quang đãng, như các nhà văn có tinh thần thượng võ thường nói, trời chỉ có sương thôi. Tao cho tên Thụy Điển to con ấy ngồi phía sau bức màn cũ kỹ đang buông xuống, sau những hàng dây thừng. Mày thấy đó, cứ mỗi xu đặt cho Dan, tao sẽ được trọn sáu trăm xu và một món tiền bồi thường năm trăm. Một cặp võ sĩ hạng xoàng đang quần nhau vòng sơ khảo, rồi chuông reng báo hiệu màn của tụi tao.

Tao cột găng cho Dan, cho hắn một cây kẹo

cao su và chúc hẳn mọi điều tốt lành. Hẳn leo qua hàng dây thừng bước vào trong vòng đấu. Tên Joe Gang này, giờ hẳn là vô địch, hẳn có một bọn ủng hộ khá đông trong số các băng nhóm tội phạm Oakland, và tụi tao không có lo lắng nào đáng kể khi thấy tiền bạc được bảo vệ. Joe thì da đen, mày biết đó, và tên Thụy Điển phía sau cảnh đó được chỉ dẫn: "Ngay khi tên da trắng đẩy lùi thằng da đen vào bức màn, mày hãy lấy gậy nện vào đầu thằng da đen."

Nào, keng vang lên và Dan tổng khởi về chỗ dây thừng theo lời chỉ dẫn.

Phía sau tấm màn không có gì cả! Tao ra hiệu như điên cuồng cho tên Thụy Điển đang nhìn ra ngoài xuyên qua đám người.

Rồi Joe Gang tấn Dan vào hàng dây thừng. Rầm, rồi một tiếng rắc và Dan rơi bịch như một con bò bị trúng lao.

Chúa ơi tên Thụy Điển đã đánh sai người rồi? Tất cả tiền bạc của tụi tao thế là đi toang. Tao leo lên võ đài chộp lấy Dan và nắm chân hẳn kéo vào phòng thay đồ. Trọng tài không cần đếm tới

mười, cho ông ta đếm tới ba trăm luôn.

Ở đó đã có tên Thụy Điển. Tao rọi đèn vào người hắn: Thằng khốn nạn, mày phải chịu lỗi cho cái ngu đần hạng bét của mày. Mày là bằng chứng cho sự cầu thả của thượng đế. Mặc chứng gì mà mày đánh vào đầu thằng da trắng thay vì thằng da đen?

— Thưa ông Amstrong, hắn nói, ông không nên nói với tôi như thế. Tôi bị loạn sắc!

Sepi Jingan

— Velvet s thì như ớt đỏ; "P.A." thì như râu bắp. Cho tôi một gói "peerless. Billy Tabeshaw dài đòn, chắc nịch, da màu đồng, mặt thịt và là người Objiway thấy một đồng 25 cent Canada vào quầy một cửa hàng nhỏ của khu vực các khu rừng phía bắc và đứng chờ người bán hàng lấy tiền lẻ cho hắn từ trong ngăn kéo bên dưới của quầy bán đồ lật vạt.

— Ê, đồ ăn cướp, người thư ký thét lên, trở lại đây đi? Tất cả chúng tôi đều liếc nhìn một con chó giống esquimo to lớn, như một con sói, biến qua cánh cửa với một dây xúc xích lắc lư như

một con rắn phía sau.

— Quỷ tha ma bắt đồ chết tiệt! Bill mày có mang theo xúc xích mà!

— Đừng rửa con chó chứ. Thịt tao chịu cho. Tôi phải trả bao nhiêu đây?

— Hai chín cent thôi Bill. Đây là ba cân xúc xích với giá mười cent một cân nhưng tôi đã ăn hết một cái rồi.

— Đây là ba mươi cent. Đi mà mua cho anh một cái bưu ảnh. Trên gương mặt da màu của Bill nở ra một nụ cười toe toét giờ mấy cái răng trắng hếu. Hắn kẹp gói thuốc dưới cánh tay và uể oải đi ra khỏi cửa hiệu và tôi lảo đảo theo hắn trong cái ánh sáng mát dịu của buổi tối mùa hè.

Ở đầu hiên nhà rộng rãi ba chiếc tàu thuốc đỏ rực trong màn đêm

— Í, Bill nói, họ hút thuốc "stag. Nó có mùi giống trái mơ khô - Tớ thì "Peerlls".

Bill không phải là người da đỏ của tờ tạp chí nổi tiếng. Hắn không bao giờ nói "ugh. Tôi chưa nghe hắn cầu nhàu hoặc nói về người cha da trắng vĩ đại ở Washington bao giờ. Mỗi quan

tâm lớn nhất của hắn là các nhãn hiệu thuốc lá và con chó bự Sepi Jingan của hắn.

Chúng tôi thả bộ xuống con lộ. Đi được một đoạn đường, xuyên qua chỗ bóng tối tụ lại, chúng tôi thấy lơ mờ một khuôn mặt - một làn khói bay đến chỗ mũi Bill - Chúa ơi thằng đó hút "Giant"! Không, đó là Honest Scrap - Giống như ống nhựa cháy vậy - Tớ thì "Peerless".

Vàng trắng tròn vành vạnh hiện ra trên đồi về hướng đông. Bên phần chúng tôi là bờ sông cỏ mọc. Mình ngồi xuống đây đi Bill nói: Có bao giờ tớ kể cho cậu nghe về Sepi Jingan chưa?

— Tớ thích nghe cậu kể lắm. Tôi đáp.

— Cậu còn nhớ Paul Black Bird không?

— Anh chàng mới vào mà say hôm 4 tháng bảy vừa rồi và ngủ ở chỗ các đường tàu Pere Marquette phải không?

— Đúng. Hắn là một thổ dân tồi. Trên vùng thượng của bán đảo hắn không thể say được. Hắn đã từng uống suốt cả ngày - uống đủ thứ. Nhưng hắn không say. Thế rồi hắn hóa khùng lên vì hắn không say được.

Paul đang bắt cá bằng xiên (bắt một cách bất hợp pháp) trên hồ Witch ngược về phía thượng nguồn, còn John Brandar đi rà soát khắp nơi để thộp cổ hăn. John lúc nào cũng làm những công việc như vậy một mình; vì thế ngày hôm sau, khi chưa thấy nó về, vợ nó bảo tớ đi tìm nó. Tớ tìm được nó ngay thôi. Nó nằm sõng soài ở cuối nơi chờ hàng, mặt úp xuống đất và một cây lao đâm xuyên qua lưng hăn.

Một sự bàn tán xôn xao nổ ra và ông cảnh sát trưởng sẵn lòng Paul khắp nơi; Nhưng chưa bao giờ một người da trắng có thể tìm ra một anh thổ dân trên mảnh đất riêng của thổ dân cả. Nhưng với tớ thì khác. Cậu thấy đó John Brandar là em họ tớ. Tớ dắt con Sepi, lúc đó chỉ là một con chó con lần theo dấu vết của hăn (Lúc đó cách đây hai năm). Chúng tớ theo dấu hăn đến Soo thì mất dấu, bắt lại dấu vết của hăn tại Garden River ở Ontario; theo hăn dọc bờ biển bắc đến Michipicoten; và rồi hăn ngược lên Missainabie và ngược khá xa đến Moose Factory. Lúc nào tụi tớ cũng ở phía sau hăn mà không

bao giờ bắt kịp hắn. Hắn rẽ ngoặt trở lại bằng lối Abittibi và cuối cùng hắn nghĩ hắn đã bỏ rơi được tội tở nên hắn từ Mackinaw xuống cái xứ này đó.

Dầu tội tở theo dấu hắn nhưng đã mất đầu mối và chạm mặt ở đây chỉ là tình cờ. Tội tở không biết hắn ở đây nhưng hắn phát hiện ra tội tở.

Ngày 4 tháng bảy vừa qua tội tở đang đi ngang mấy con đường P.M. với Sepi thì một cái gì đó chạm vào một bên đầu của tở và mọi vật đều tối hù lại.

Khi tở tỉnh lại Paul Black đang đứng chỗ tở với một cái xiên và cười nhăn nhở.

— Nào, hắn cười, Mày đã bắt kịp tao, mày có vui khi gặp tao không?

Có chỗ hắn đã phạm sai lầm. Khi đó lẽ ra hắn phải giết tở và mọi chuyện sẽ ổn cho hắn. Hắn đã giết nếu hắn không uống hoặc không say nhưng hắn đã uống và đâm ra lú lẫn.

Hắn lấy cái xiên khiêu khích tở và nhạo báng tở.

— Con chó mày đâu, thằng chó? Mày và nó đã theo tao, tao sẽ giết cả hai và kéo mày lên đường ray.

Lúc nào tớ cũng tự hỏi Sepi đâu rồi. Cuối cùng tớ cũng thấy nó, nó đang trườn trên mặt đất về phía Black Bird. Nó trườn gần hơn rồi gần hơn nữa. Tớ cầu nguyện cho Paul đừng thấy nó.

Paul ngồi xuống chỗ đó, nguyên rủa và dùng cái xiên dài châm vào người tớ. Sepi trườn gần hơn, rồi gần hơn nữa. Trong khi nhìn Paul, tớ dõi theo con chó bằng đuôi mắt.

Đột nhiên Sepi nhẩy chồm lên như một tiếng sét loà. Nó chộp một bên đầu hẳn, hai cái hàm dài như chó sói chụp lấy cổ họng hẳn.

Đó là một công việc gọn đẹp và ngoạn mục. Công ty trách nhiệm hữu hạn Pere Marquette Resort đã xóa sạch các dấu vết. Vì thế cậu thấy đó khi cậu nói Paul Black Bird say và nằm ở đường ray Pere Marquette là không đúng hoàn toàn đâu. Thằng thổ dân đó nó không say. Nó chỉ lú lẫn vì uống thôi.

Đó là tại sao cậu và tớ ngồi đây, ngắm trăng và

món nợ của tớ đã trả xong và tại sao tớ để Sepi ăn xúc xích ở tiệm của Hauley.

— Ngộ nhỉ?

— Mà nghe lời tao vứt cái Tuxedo đó đi - Chỉ có "peerless mới là thuốc lá thôi.

— Nào Sepi.

PAULINE SNOW

*P*auline Snow là cô gái đẹp duy nhất mà chúng tôi có được ở ngoài vịnh. Cô như một đóa huệ phục sinh, mềm mại xinh xắn vươn lên trên một đồng phân. Khi cha mẹ mất cô đến với gia đình Blodgetts. Khi ấy Art Simons thường lui tới thăm viếng gia đình Blodgetts vào những buổi tối.

Art không thể đi đến phần lớn các nơi trong vịnh được, nhưng lão Blodgett thì muốn hẳn đến thăm. Lão Blodgett nói anh chàng làm cho những nơi anh chàng đến sáng hẳn lên. Có thể Art đi ra chuồng ngựa với lão Blodgett khi lão đang làm mấy việc lật vật và vừa kể chuyện cho lão nghe vừa nhìn quanh xem thử có ai nghe lén không. Lão Blodgett đi vào, mặt lão đỏ như cái bị thịt dưới cổ một con gà tây, lão cười, rồi vỗ vào lưng Art. Rồi lại cười, cười mãi, mặt lão lại đỏ hơn lên.

Art bắt đầu dẫn Pauline đi dạo sau bữa tối.

Thoạt tiên cô sợ Art, sợ những ngón tay dài cui thô kệch và cái cách lúc nào cũng chạm vào người cô khi nói chuyện của hắn và cô không muốn đi. Nhưng lão Blodgett đã chế giễu cô.

— Art là một anh chàng bình thường duy nhất ở cái vịnh này, lão nói và vỗ vào vai Art. Nào vui vẻ lên Paullne.

Đôi mắt to của Paullne lộ vẻ sợ hãi - nhưng cô cũng đi với hắn dài dài theo con lộ lúc trời nhá nhem tối. Có một đường sáng đỏ còn sót lại dọc theo các ngọn đồi hướng về phía Charlevoix, và Pauline nói với Art: - Anh có thấy nó đẹp kinh khủng không Art?

— Chúng ta không đến đây để nói về hoàng hôn đâu nhóc ạ! Art nói và hắn choàng tay qua người cô.

Một thời gian sau, có vài người hàng xóm phàn nàn, và người ta gửi Paullne vào trường cải tạo ở Coldwater. Art cũng đi xa một thời gian và sau đó trở về cưới một trong những cô con gái nhà Jenkins.

ED PAIGE

Một lần Stanley Ketchell đến Boyne City, phát giận vì một xô biểu diễn lỗ bịch. Anh ta sẽ được hưởng một số tiền nếu hạ đo ván bất cứ kẻ nào trong vòng sáu hiệp. Khi ấy mọi người đang rất lộn xộn, và Ed Paige cùng với một nhón con trai từ trại số hai của White đến xem biểu diễn. Tới cảnh chính khi ông bầu của Ketchell đề nghị, Ed liền thượng đài.

Đó là một trận đấu không khoan nhượng và nhiều người cho rằng Ed đã thắng Ketchell. Dù sao Ed cũng nhận được số tiền một trăm đô la vì đã trong mức giới hạn và không làm gì quá từ lúc đó. Bây giờ Ed chỉ suy nghĩ về lúc đánh với Stanley Ketchell. Suốt một thời gian, người ta thường chỉ ra những sai sót của Ed, nhưng bây giờ hầu như người ta đã quên đi mọi thứ rồi và khá ít người nói họ không bao giờ tin rằng Ed đã thật sự làm như vậy.

BOB WHITE

Bob White được biệt phái đi kiểm tra một đơn vị bệnh viện ở cơ sở. Khoảng ba ngày trước khi đình chiến anh ta đến Pháp. Khi về nhà Bob kể với gia đình Odd Fellow nhiều chuyện về chiến tranh vào cái đêm đầu tiên ngủ trong lán.

Bob có một cây thánh giá bằng sắt mà anh ta nói anh ta đã lấy được thầy ma một sĩ quan Đức. Lùi về phía sau tiền tuyến ngay trên những giao thông hào cái ồn ào còn tệ hơn nữa. Bob không thích người Pháp. Một số người Pháp dùng gia súc để cày và răng của tất cả các cô gái Pháp đều đen thui. Và người Pháp cũng không thích các cô gái của chúng ta. Bob ở chỗ một gia đình Pháp tốt nhất, và anh ta cũng nên biết điều đó. Theo Bob, trong chiến tranh, lính Pháp không bao giờ đánh trận. Họ là những lão già và lúc nào cũng làm việc ngoài lộ. Bọn thủy quân lục chiến thực sự cũng không đánh trận nào. Bob nói. Hắn đã gặp nhiều lính thủy quân lục chiến,

tất cả bọn họ đều là quân cảnh ở bến tàu và ở Paris.

Những người ở bên ngoài vịnh không nghĩ nhiều về nước Pháp và bọn thủy quân lục chiến, vì lẽ đó, giờ đây những tin tức Bob mang về là hoàn toàn trực tiếp.

Những người ở bên ngoài vịnh không nghĩ nhiều về nước Pháp và bọn thủy quân lục chiến, vì lẽ đó, giờ đây những tin tức Bob mang về là hoàn toàn trực tiếp.

LÃO HURD VÀ BÀ HURD

Lão già Hurd có một khuôn mặt có vẻ không đúng đắn. Lão không có ria, cằm lão thuộc loại cằm lẹm và mắt lão đỏ ngầu, có khoan và ngấn nước, còn hai cánh mũi lúc nào cũng đỏ và sần sùi. Căn chòi của lão nằm trong một thung lũng, trên con lộ bốn mươi, bên dưới và đằng sau chỗ chúng tôi. Bạn có thể nghe lão Hurd hò hét mấy con ngựa khi lão kéo chúng đi. Lão là một lão già loắt choắt. Lão thường lên chỗ chúng tôi để lấy chỗ cắm chúng tôi chứa lại về cho heo bằng một cái can lớn dùng đựng cácbua. Khi lão tìm thấy trong cám cái gì đó mà lão nghĩ rằng những con heo không thích thì bạn có thể nghe lão lầm bầm chửi chúng tôi lẫn cám.

Lão là một gã đàn ông đi nhà thờ cầu nguyện đều đặn. Chưa ai thấy lão cười bao giờ nhưng

đôi khi chúng ta có thể nghe lão hát một bài hát như thế này:

Tôn giáo làm tôi hạnh phúc

Tôn giáo làm tôi hạnh phúc

Tôn giáo làm tôi hạnh phúc

Tôi đang đi trên con đường của tôi

Bà Hurd là một phụ nữ to con với một khuôn mặt đầy đặn, dễ thương, giản dị. Bà trẻ hơn lão Hurd hai mươi tuổi. Bảy giờ bà khoảng bốn mươi. Khi bà lên mười tám, cha bà mất để lại cho bà cơ sở Amacker cũ kỹ. Bà cố gắng điều hành cơ sở nhưng bà không có khả năng. Bà không có đủ tiền để đến Grand - Rapids, và vào những ngày ấy không có những người chuyên đi làm việc vào mùa hè như bây giờ. Có lần bà nói với mẹ tôi:

— Lúc đó tôi cũng là một cô gái rất dễ coi.

Hurd thường đến cơ sở Amacker cũ kỹ mỗi tối, nhưng không nói một lời nào cả, chỉ lặng lẽ nhìn cái đồng bừa bộn mà bà đã xả ra khi cố điều hành nơi này. Lão chẳng ngờ ý giúp bà chẻ củi hoặc làm bất cứ việc gì. Lão chỉ đứng nhìn bà

đang bày bữa ra một cách vô vọng. Đứng đó một lát, lão nói:

— Sarah, tốt hơn là em lấy tôi đi.

Sau đó một thời gian bà lấy lão, và bà nói với mẹ tôi:

— Lúc ấy mà trông lão cũng giống như bây giờ thì thật là khủng khiếp.

BILLY GILBERT

Billy Gilbert là một thổ dân Ojibway, sống ở gần hồ Su san. Vợ Billy là một trong những cô gái đẹp nhất ở vùng thượng nguồn Michigan. Họ có hai con bụ bẫm, da nâu tên là Beulah và Prudence. Trước đây cả hai vợ chồng Billy đều đã tới Mount Pleasant để học, và Billy là một nông dân giỏi. Khoảng năm 1915 không ai hiểu tại sao Billy lên tận miệt Soo để đăng lính vào Black Watch.

Hè này Billy trở về nhà. Hắn có hai mảnh ruy băng may dính vào áo, bên trên ngực và ba gạch quân hàm bằng chỉ vàng trên vai áo trái. Không ai ở khu vịnh biết rằng ruy băng tượng trưng cho huân chương chiến công (M.M.: Medal of merit) và huân chương tặng thưởng vì hạnh kiểm xuất sắc quân đội M.: Military Distinguished Conduct Medal), tất cả bọn đàn ông trở về đều có mang ruy băng, vài người có tới ba, bốn cái, bạn có thể mua ruy băng ở các doanh trại nơi bạn giải ngũ.

Nhưng tất cả mọi người đều buồn cười vì cái váy của hắn.

Nhìn một thằng thổ dân mặc váy kìa?. Nhưng kẻ rồi hơi vụt la lên khi hắn dừng đoàn quân lại và đốt một điếu thuốc chắc có ai đó đã nói ồ nhìn cô ta kìa, cô ta hút thuốc!. Chuyện đó thì cười khỏe thôi. Đó không phải là kiểu trở về nhà mà Billy đã hình dung.

Hắn đi bộ ngược con lộ dẫn đến hố Susan và tìm thấy căn chòi của hắn trống trơn. Cửa ra vào khóa và khu vườn của hắn là lớp đất cỏ mọc, có thứ cỏ bằng trong khu vườn mới trồng của hắn, thứ cỏ đốn ngã mọi cây non mà cỏ cũng không thềm gặm, Billy quay xuống con lộ đến nhà một người hàng xóm.

— Bà Gilbert ư? - người đàn ông đứng chỗ ngưỡng cửa vừa nói, vừa nhìn cái váy của Billy một cách chế giễu. - Cô ta đã bỏ đi với con trai của Simon Green rồi. Cô ta bán chỗ đó cho G... ở Charlevoix. Năm nay người ta không canh tác. Ê, anh bạn là Billy hả? Họ đang sống đâu đó dưới tiểu bang. Người hàng xóm đứng chỗ ngưỡng

cửa đang cầm một cái đèn.

Billy quay ngoắt đi, vượt qua đoàn quân, đi khệnh khạng những bước dài của người dân vùng cao xuống con lộ trong buổi trời nhá nhem. Chiếc mũ vênh qua một bên, đầu gối của hắn lắc lư dưới chiếc váy. Khi họ khệnh khạng đi xuống con đường Bapaume- Cambrai. Gương mặt hắn lạnh tanh hơn bao giờ hết, nhưng mắt hắn tựa như một con đường dài hun hút dẫn vào đêm đen. Rồi hắn bắt đầu huýt sáo. Và điệu hát hắn huýt sáo là đây:

Đó là một con đường dài đi đến Tipperary,
Đó là con đường dài phải đi.

BA PHÁT SÚNG

Nick đang cởi quần áo trong lều. Hắn nhìn thấy bóng cha và chú George bị lửa ném lên vách tấm bạt. Hắn cảm thấy thật bức bối và xấu hổ, cố cởi đồ thật nhanh, xếp lại gọn gàng. Hắn xấu hổ vì việc cởi quần áo nhắc hắn nhớ đến việc hôm trước. Suýt ngày hôm nay hắn cố tống khứ chuyện đó đi.

Sau bữa cơm chiều, cha và chú hắn xách đèn bão chèo vượt qua hồ đi câu. Trước khi đẩy xuống ra xa, người cha bảo nếu có điều gì khẩn cấp xảy đến trong khi họ vắng mặt thì bắn ba phát súng trường và họ sẽ quay về ngay. Nick từ bờ hồ đi ngang qua rừng cây trở về lều. Hắn nghe được tiếng mái chèo trong đêm. Cha hắn thì chèo, chú hắn thì ngồi đằng đuôi thuyền mà nhấp câu. Ông, tay cầm cần, đã ngồi chễm chệ chỗ đó rồi khi cha hắn đẩy thuyền ra. Nick lắng nghe họ vượt qua hồ cho đến khi hắn không còn nghe được tiếng chèo nữa.

Đi bộ trở về ngang qua rừng cây, Nick bắt đầu sợ. Cứ ban đêm là hắn sợ rừng cây. Hắn mò vạt lều rồi cởi quần áo rồi nằm im lìm giữa mấy cái mền trong tối. Bên ngoài lửa cháy đến bệ than đá Nick nằm yên và cố gắng dỗ giấc ngủ. Đây đó chẳng một tiếng động. Nick cảm thấy giá hắn mà nghe được một tiếng cáo gừ, một tiếng cú kêu hoặc một tiếng gì đó thì chắc là hắn an tâm. Bây giờ hắn sợ điều gì thì chưa rõ. Nhưng hắn rất sợ. Rồi đột nhiên hắn sợ chết. Vài tuần trước đây lúc hắn ở nhà, trong nhà thờ người ta hát bài thánh ca: "Rồi một hôm nào đó sợi dây bạc sẽ đứt rời. Trong khi người ta đang hát, hắn cảm nhận rằng rồi hôm nào đó hắn phải chết. Điều đó khiến hắn buồn khôn tả. Đó là lần đầu tiên hắn hiểu ra là có lúc rồi chính hắn cũng sẽ chết.

Đêm ấy hắn ngồi ngoài tiền sảnh dưới ánh đèn đêm ra sức đọc Robinson Crusoe để dừng nghĩ đến cái sự thật một hôm nào đó sợi dây bạc phải đứt. Chị vú em tìm thấy hắn và dọa mach cha hắn nếu hắn không chịu đi ngủ. Hắn vào giường và ngay khi chị vú em trở về phòng là hắn trở ra

ngoài đọc dưới ánh đèn tiên sảnh cho tới sáng.

Đêm hôm qua, trong lều hăn đã sống lại nỗi sợ hãi ấy. Ngoài ban đêm ra hăn chẳng lúc nào sợ cả. Đầu tiên đó là một nhận thức hơn là một nỗi sợ hãi. Nhưng nó lai luôn luôn trên bờ rìa của nỗi sợ hãi và thoát một cái ngay lúc khởi động nó đã hóa thành nỗi sợ hãi. Đúng lúc bắt đầu thực sự kinh hoàng, hăn nắm lấy khẩu súng trường và chọc nòng súng ra phía trước và bắn ba phát. Khẩu súng giật dữ dội. Hăn nghe tiếng đạn xẹt ra tuôn vào rừng cây. Ngay lúc hăn bắn mấy phát đạn bay đi thì sự tình hóa ổn cả.

Hăn nằm xuống và chờ cha hăn trở lại và thiếp ngủ trước lúc cha và chú hăn tắt ngọn đèn bão ở phía bên kia bờ hồ.

— Thằng nhóc chết tiệt. - Chú Geogole nói khi họ trở về. - Anh bảo hăn gọi chúng ta về chuyện gì? Chắc cu cậu hoảng cái gì đó rồi.

Chú George là người ham đi câu và là em trai kế của cha hăn.

— Ô, thôi. Hăn còn nhỏ quá, - cha hăn nói.

— Đó không phải là lý do để mang nó vào rừng

với chúng ta.

— Anh biết nó là đứa nhát gan kinh khủng, - cha hấn nói, nhưng lúc ở tuổi đó, chúng ta cũng thỏ đế vậy.

— Em không chịu nổi, - George nói. - Hấn là thằng nói láo khiếp đảm.

— Ồ thôi, quên chuyện đó đi. Dầu sao chú cũng được câu thoải mái rồi.

Họ đi vào lều và chú George rọi đèn pin lên mắt Nick.

— Cái gì vậy hả, bé Nick? - cha hấn nói. Nick ngồi lên giường:

— Nghe như con thú lai cáo với sói cứ lảng vảng quanh lều, - Nick nói. - Nó hơi giống một con cáo nhưng lại giống sói hơn. - Hấn học được cụm từ "lai giống" của ông chú. ngày hôm đó.

— Chắc là hấn nghe tiếng cú mèo rồi, - chú George nói.

Buổi sáng cha hấn thấy hai cây dầu lớn nghiêng cộ vào nhau trước gió.

— Con có nghĩ chính là đây không, Nick? - cha hấn hỏi.

— Có lẽ, - Nick nói. Hắn không muốn nghĩ tới nữa.

— Con không nên sợ rừng, Nick ạ. Chẳng có gì làm con tổn thương đâu.

— Chớp cũng không sao? - Nick hỏi.

— Không! Cả chớp cũng không. Nếu có goings bão thì chạy ra giữa trời. Hoặc núp dưới cây giẻ gai. Người ta chẳng bao giờ bị đánh.

— Chẳng bao giờ à? - Nick hỏi.

— Ba chưa bao giờ nghe nói có người nào, - cha hắn nói.

— Ô, giẻ gai mà như vậy thì con vui thiệt, - Nick nói.

Bây giờ hắn lại cởi đồ trong lều. Hắn biết có hai cái bóng in trên vách dù hắn chẳng nhìn. Rồi hắn nghe chiếc xuống bị kéo lên bãi và hai cái bóng biến mất. Hắn nghe cha hắn nói chuyện với ai đó.

Rồi cha hắn la lên: Mặc quần áo vào, Nick.

Hắn cố mặc thật nhanh. Cha hắn vào và lục tìm trong mấy chiếc túi rút.

— Mặc áo khoác vào, Nick, - cha hắn nói, giọng

lãng đãng.

NHỮNG NGƯỜI DA ĐỎ ĐÃ ĐI RỒI

Con đường đi Petosky chạy thẳng lên đồi từ nông trại của Grandpa Bacon. Nông trại của lão ở cuối đường. Dầu vậy cứ như thể là con đường bắt đầu từ nông trại của lão chạy tới Petoskey, dọc theo bờ rìa rừng lên ngọn đồi dài, dựng đứng và cát phủ, để biến mất dạng trong cánh rừng nơi con dốc dài của những cánh đồng kiếm mình lại mà tựa vào rừng cây.

Sau khi con đường đi vào trong rừng trời mát và cát dưới chân chắc lại nhờ hơi ẩm. Con đường lên rồi xuống đồi xuyên qua cánh rừng hai bên đầy nhưng bụi dâu và cây dẻ gai non được cắt tỉa định kì để chúng khỏi che khuất lối đi. Mùa hạ những người da đỏ nhặt dâu rừng dọc theo đường rồi mang xuống nhà lều mà bán, xếp vào những cái xô, dâu hoang đỏ từng chùm oằn nặng, phủ kín bằng lá quất giữ mát, dâu rừng

đen muộn, chắc nịch và sáng tươi, hàng xô đầy. Người da đỏ mang chúng đi xuyên qua rừng đến chỗ nhà lều bên bờ hồ. Bạn chẳng bao giờ nghe thấy bước chân họ đến nhưng có họ đứng đó bên cửa bếp với những xô thiếc đầy dâu. Thỉnh thoảng Nick, trong khi nằm vờng đọc sách, ngửi thấy những người da đỏ đi qua cổng vượt ngang đồng gỗ và vòng quanh nhà. Người da đỏ đều có cùng một mùi. Đó là cái mùi ngòn ngọt người da đỏ nào cũng có. Anh ngửi được cái mùi ấy lần đầu tiên khi Grandpa Bacon cho người da đỏ thuê căn chòi sát doi đất và sau khi họ dọn đi anh bước vào lều và tất cả toát ra cái mùi ngòn ngọt đó.

Sau đó Grand Bacon chẳng thể nào cho người da trắng thuê căn lều đó được và chẳng người da đỏ nào thuê nó nữa bởi vì gã da đỏ sống ở đó đã đi vào Petoskey để uống say sữa vào ngày quốc khánh và, trong lúc quay về, đã nằm dài ra ngủ trên đường ray xe lửa đi Pere Marquette và bị chuyển tàu nửa đêm cán chết. Gã là một người da đỏ cao lêu khêu, đã làm cho Nick cây chèo

bằng gỗ tần bì. Gã sống một mình trong lều và uống thuốc giảm đau rồi một mình trong đêm đi xuyên qua rừng. Nhiều người da đỏ cũng có cái kiệu ấy.

Chẳng có người da đỏ nào thành đạt. Trước đây có những người da đỏ già sở hữu những nông trại và khai thác chúng rồi già đi và mập ra cùng quá nhiều lũ con rồi cháu. Những người da đỏ như Simon Green sống ở nhánh sông Hortons và đã từng có một nông trại lớn. Thế nhưng Simon Green chết, và con cái lão đã bán nông trại đi để chia tiền mà ra riêng đâu đó.

Nick còn nhớ Simon Green ngồi trong chiếc ghế trước cái lò rèn ở vmh Hortons mà toát mồ hôi dưới nắng trong khi những con ngựa của lão được đóng móng. Nick thì lục thuổng đất bùn ẩm lạnh dưới mái hiên nhà kho tìm trùn đã lấy mấy ngón tay bới sâu vào đất và đã nghe được tiếng chan chát gấp gáp của sắt bị búa đập. Anh rây đất bùn vào lon đựng trùn rồi lấp lại chỗ đất đã bị bới lên, dùng xẻng san bằng ra. Bên ngoài kia dưới nắng Simon Green ngồi trong ghế.

— Chào Nick, - lão nói khi Nick đi ra.

— Chào ông Green.

— Đi câu à?

— Vâng.

— Một ngày khá nóng đấy, - Simon mỉm cười.

- Hãy nói với ba cậu là chúng tôi sẽ có hàng lỗ chim mùa thu này.

Nick tiếp tục đi ngang qua miếng đất đằng sau lò rèn mà bước vào nhà lấy cây cần câu và giỏ đựng cá. Trên đường trở lại nhánh sông, Simon Green cho xe độc mã đi dọc theo đường làng. Nick vừa đi vào khu rẫy và Simon không nhìn thấy anh. Đó là lần cuối cùng anh nhìn thấy Simon Green. Mùa đông đó lão chết rồi mùa hè năm sau nông trại của lão bị bán đi. Ngoài cái nông trại lão chẳng để lại gì. Tất cả mọi thứ trên đời đều dồn cả vào cái nông trại. Một người con trai của lão muốn tiếp tục làm nông nhưng những đứa con khác làm áp lực với hắn rồi cái nông trại bị bán đi. Chuyện bán buôn tiền chẳng được một nửa cái số tiền mà người ta tưởng.

Gã con trai của Green là Eddy muốn tiếp tục làm nông, đã mua một miếng đất quá đàng sau suối Spring. Hai đứa con khác mua một tiệm bi da lỗ ở Pellston. Họ hết tiền rồi bán xới luôn. Đó là con đường người Da Đỏ ra đi.

VƯỢT SÔNG MISSISSIPPI

Chuyến tàu lửa thành phố Kansas dừng lại chỗ nhánh rẽ ngay phía đông dòng Mississippi và Nick đưa mắt nhìn ra con đường ngập sâu trong bụi đất. Chẳng thấy gì ngoài con đường và cây lá xám xịt. Một chiếc xe ngựa trông chừng ngang qua chỗ đất lún, gã xà ích ngồi ủ rũ trên cái ghế lò xo cứ nảy xóc và buông dây cương thông trên lưng ngựa.

Nick nhìn chiếc xe ngựa và cứ tự hỏi nó đang đi đâu, liệu có phải gã xà ích sống gần dòng mississippi và đã từng đi câu cá rồi chẳng.

Chiếc xe ngựa trông chừng khuất dạng trên đường và Nick nghĩ đến trận đấu tranh vô địch hàng năm đang diễn ra ở New York. Anh nghĩ đến cú đánh Home run (chạy ghi điểm) của Happy Felsch trong ván đấu hần đã nhìn chăm chăm đội White Sox Park, Slim Solee lướt xa tới đằng trước, gối gần chạm đất và điểm chấm trắng của quả bóng trên đường bay vút về phía

hàng rào xanh chỗ giữa sân, Felsch đầu cúi thấp, bút nhanh tới khoảng vuông trắng dày đặc chỗ vị trí đánh đầu tiên và rồi tiếng hò reo vui mừng từ phía khán giả bùng lên khi trái bóng bay tới chỗ ngồi ngoài trời của nhóm cổ động viên quá khích.

Khi chuyển xe lửa lên đường và hàng cây bụi bặm và con đường nâu sẫm bắt đầu lùi lại, người bán báo bước lảo đảo xuống dãy ghế ngồi.

— Có tin tức đặc biệt về trận tranh vô địch chú?

— White Sox thắng trận chung kết, - gã đồ tể tin tức vừa trả lời vừa chuyển người dọc lối đi giữa hai hàng ghế theo kiểu lắc lư của một thủy thủ. Câu trả lời của gã phả vào Nick một niềm ấm áp thú vị. White Sox đã đánh bại chúng. Đó là một cảm giác hả hê. Nick mở tờ bưu điện Tối Thứ Bảy và bắt đầu đọc, thỉnh thoảng nhìn ra cửa sổ ngắm dòng Mississippi. Vượt Mississippi đúng là một sự kiện lớn anh đã từng nhiều năm mơ tưởng đến, và anh muốn tận hưởng từng giây phút một.

Cảnh trí cứ như tuôn qua theo dòng chảy của đường sá, cột điện thoại, lác đác cửa nhà và những cánh đồng tuyền một màu nâu sẫm. Nick đã chờ đợi những mũi đất dốc đứng của bờ sông Mississippi nhưng cuối cùng, sau một nhánh sông dài như bất tận tràn xuôi bên ngoài cửa sổ, anh có thể nhìn thấy đầu tàu lượn vòng trên chiếc cầu dài bên trên đoạn sông dàn rộng ra ngẫu đục. Những ngọn đồi lẻ loi, phiến muện nằm phía bờ xa giờ Nick đã có thể nhìn thấy và phía bờ gần là bãi sông lấy lợi. Con sông hình như chuyển động xuôi dòng liên lỉ, không phải tuôn chảy mà di chuyển như một cái hồ đặc quánh đang chuyển động hơi cuộn xoáy chỗ những trụ cầu nhô ra. Mark Tom và Lasalla dính cục vào nhau trong tâm trí Nick khi anh nhìn lên thảo nguyên nâu tuyền của dòng sông chảy lặng lẽ. Dầu thế nào thì ta cũng đã nhìn thấy Mississippi rồi, anh nghĩ về mình một cách hạnh phúc.

NGÀY CƯỜI

Anh bị chóng mặt và đang rửa chân trong chậu sau khi đã đi bộ lên đồi. Căn Phòng thì nóng còn Dutch và Luman cả hai đang đứng lớ ngớ và trông có vẻ bức bối. Nick lôi một bộ đồ lót tinh tươm, đôi tất lụa sạch với dài băng mới, một chiếc sơ mi cổ cao ra khỏi hộc bàn làm việc rồi đặt cả lên trên bàn. Anh đứng trước gương mà thất cạ vạt lại. Dutch và Luman nhắc anh trang hoàng phòng trước các trận quyền và các trận bóng đá. Anh thưởng thức nỗi bồn chồn của họ. Anh tự hỏi nếu cái cách này thì liệu anh có sắp bị treo cổ không. Có thể. Anh chẳng bao giờ nhận thức được điều gì cho đến khi nó xảy ra. Dutch ra ngoài tìm cái đồ khui rồi đi vào và mở chai.

— Làm một ngụm ra trò vào, Dutch.

— Thua ông thôi, Stein.

— Không! Quỷ tha ma bắt. Cứ uống đi.

Dutch tu một hơi dài. Nick phát giận chuyện

uống ừng ực. Xét cho cùng thì đó là chai whiskey duy nhất. Dutch đưa chai sang anh. Anh chuyển cho Luman. Luman tu một ngụm nhưng không dài bằng Dutch.

— Tốt, Stein, ông bạn già. - Gã chuyển chai cho Nick.

Nick uống hai hớp. Anh thích whiskey. Nick kéo quần lên. Anh chẳng nghĩ gì cả. Horny Bill, Art Meyer và Ghee đang trang hoàng trên gác. Họ cần chất cay. Chúa ạ, tại sao chẳng có hơn một chai rượu.

Sau khi đám cưới tàn họ lên chiếc xe Ford của John Kotesky lái tới cái hồ trên đồi. Nick trả John Kotesky năm đô la và Kotesky giúp anh mang túi xách xuống tận cái xuống nhỏ. Cả hai bắt tay Kotesky và rời chiếc xe Ford của gã quay ngược lại con đường mòn. Họ nghe được tiếng xe một chập lâu. Nick không tìm thấy đôi mái chèo nơi ba anh giấu cho anh chỗ mấy cây mận đắng sau ngôi nhà trữ nước đá còn Helen thì ngồi chờ anh dưới xuống. Cuối cùng anh tìm được và vác xuống bờ hồ. Thật là một chuyến du thuyền

đăng đẵng ngang qua hồ trong tối. Đêm thì nóng và tẻ nhạt. Chẳng ai nói chuyện nhiều. Một hai người đã làm hỏng đám cưới. Khi họ gần đến bờ Nick chèo cật lực và lướt chiếc xuồng tới bờ cát. Anh kéo xuồng lên và Helen bước xuống. Nick hôn nàng. Nàng hôn lại anh một cách dữ dội theo kiểu anh đã dạy nàng hơi mở miệng để hai cái lưỡi vờn nhau. Họ ôm chặt nhau và rồi đi lên nhà lều. Đêm thì tối và sâu. Nick mở cửa rồi quay lại chỗ con xuồng lấy mấy cái túi xách: Anh thắp đèn lên và họ cùng nhìn lướt qua căn nhà.

CHUYỆN PHÙ PHIÊM

*T*hế rồi anh ăn một quả cam và từ từ nhả hạt. Ngoài trời tuyết đang chuyển thành cơn mưa. Trong nhà, lò sưởi điện dường như không còn tỏa chút hơi nóng nào. Anh rời bàn viết, đến ngồi bên trên bệ lò sưởi. Thật là một cảm giác ấm áp, dễ chịu? Cuộc đời rồi đơn giản cũng chỉ là thế này đây.

Anh lấy một quả cam nữa. Nơi Paris xa xôi kia, Mascart đã đâm ngã Danny Frush ngay ở hiệp thứ hai. Còn tại Mesopotamia, tuyết rơi dày bảy mét. Tận bên kia địa cầu, nơi nước Úc xa xôi đội critket của Anh đang cố giữ khung thành. Lại còn cả cái câu chuyện tình lãng mạn, phiêu lưu nữa kia.

Những người hâm mộ văn chương nghệ thuật vẫn xuất hiện trên tờ Diễn Đàn anh đang đọc. Đó là những người nâng đỡ các vị quân tử, bạn hữu của những bậc tài năng khốn khổ. Những truyện ngắn đoạt giải - liệu trong tương lai các tác giả

kia có viết nên những tác phẩm bestseller.

Có lẽ quý vị sẽ thích những câu chuyện Mỹ đơn giản mà xúc động đó, những câu chuyện của các mảnh đời thực nơi một nông trại thoáng đãng, tại một chung cư đông người, chật chội, hoặc trong một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi, được kể bằng cái giọng hài hước và ý vị, bất tận.

Mình phải đọc mấy cái truyện đó, anh nghĩ.

Và anh tiếp tục đọc. Con cái của con chúng ta - làm gì đây cho chúng nhỉ? Tương lai chúng sẽ ra sao? Hẳn nhiều giải pháp sẽ được đưa ra nhằm tìm kiếm đủ không gian cho nhân loại tồn tại dưới ánh mặt trời. Người ta sẽ đạt được bằng chiến tranh hay bằng những giải pháp hòa bình?

Hay là tất cả chúng ta chuyển cả đến Canada?

Niềm xác tín sâu sắc nhất của chúng ta - liệu khoa học có làm lung lay đi? Nên văn minh của chúng ta - nó có làm ảnh hưởng đến trật tự của vạn vật đã tồn tại bền vững bao đời nay?

Và trong khi đó, tại những cánh rừng mưa ở

Yucatan xa xôi, âm thanh những chiếc rìu của các tay thợ sơn tràng dẫn gỗ bạch đàn không ngớt vang lên.

Chúng ta cần những con người lớn xác - hay cần những người trí thức uyên thâm? Hãy nghĩ về Joyce. Nghĩ về tổng thống Coolidge. Ngôi sao nào sinh viên đại học chúng ta tôn làm thần tượng? Có Jack Briton. Có tiến sĩ Hanry Van Dyke. Chúng ta có thể dung hòa được không lý tưởng của hai người? Hãy nghĩ về trường hợp Young Stribling.

Và bằng cách nào để con gái chúng ta làm cuộc thăm dò lối nẻo? Nancy Hawthorne phải tự mình thực hiện cuộc kiếm tìm lối đi chốn đến giữa biển đời. Can đảm và nhạy cảm, cô đương đầu với những gian nan của các cô gái lứa tuổi mười tám.

Đây là một cuốn sách tuyệt vời.

Bạn có phải là một cô gái mười tám tuổi? Chẳng hạn như trường hợp Joan of Arc. Chẳng hạn như Bernard Shaw. Chẳng hạn như Betsy Ross.

Hãy tưởng tượng những vấn đề này vào 1925. Liệu có một trang suông sã nào giữa dòng lịch sử Thanh giáo không? Liệu nàng Pocahontas có là con người hai mặt? Và nàng có cảm thức về chiều thứ tư của không gian chăng?

Còn hội họa và thi ca hiện đại có là nghệ thuật? Có và không. Ví dụ Picasso.

Những con người phiêu lãng có các nguyên tắc sống nào không? Bạn hãy thả hồn mình phiêu lãng.

Đâu đâu cũng có những câu chuyện tình lãng mạn. Các nhà văn của tờ Diễn Đàn, bàn về điểm này, đã có được cái hài hước, hóm hỉnh và thông thái. Nhưng họ không cố ỏ ra mình là một người hiểu biết và chẳng bao giờ rườm lời, chán ngắt.

Hãy sống hết mình cho cuộc đời đầy ắp những suy tư và mở lòng ra đón những tư tưởng mới, ngây ngất với những câu chuyện lãng mạn đầy các biến cố lạ thường. Anh đặt cuốn sách xuống.

Và trong khi đó, nằm liệt trên giường với ống cao su đút vào phổi trong căn phòng tắm tối tại nhà mình ở Triana, Manuel Garcia Maera bị

chúng viêm phổi quật ngã. Tất cả các tờ báo ở Andalusia đều ưu tiên đăng những sự kiện đặc biệt về cái chết được báo trước sẽ đến với anh trong vài ngày nữa. Người ta mua những tấm hình chụp cả người anh để giữ làm kỷ niệm và cố nhìn các bản in mà ghi tạc hình anh vào ký ức. Đám võ sĩ đấu bò rất buồn khi anh qua đời bởi trên trường đấu, anh thường xuyên thực hiện những động tác mà họ ít khi làm được. Tất cả thấy bọn họ sẽ lê bước dưới trời mưa, theo sau quan tài anh rồi một trăm bốn mươi bảy đấu sĩ đưa anh đến nghĩa trang, nơi họ mai táng anh bên cạnh ngôi mộ Joselito. Sau tang lễ, mọi người ngồi tránh mưa trong tiệm cà phê, rồi rất nhiều tấm hình màu của Maera được đưa bán, họ mua, cuộn lại, hồ hững đút vào túi.

MỘT CUỘC THẨM VẤN ĐƠN GIẢN

Ngoài trời tuyết rơi thành đồng ngập bực cửa sổ. Ánh nắng xuyên qua cửa sổ, chiếu lên tấm bản đồ treo trên vách gỗ thông của căn lều. Mặt trời đã lên cao, ánh nắng rọi lên đỉnh tuyết. Một con hào chạy dọc theo sườn để trống của căn lều, trời mỗi ngày một sáng, ánh nắng rọi trên vách, dội hơi nóng vào lớp tuyết và tỏa rộng ra con nương. Đó là giai đoạn cuối tháng ba. Ngài thiếu tá ngồi bên chiếc bàn kê sát vách. Viên sĩ quan phụ tá ngồi bên chiếc bàn khác.

Hai hình tròn màu trắng quanh đôi mắt ngài thiếu tá là dấu vết của hai tròng chiếc kính bảo vệ cho khuôn mặt của ông khỏi ánh phản quang dội lên từ lớp tuyết. Phần còn lại của khuôn mặt ông r ám nắng, đen sạm và bắt đầu chuyển sang màu nâu vàng. Mũi ông sưng tấy, nơi bị sưng rộp lên chai bên cánh mũi da bong ra. Ông vừa

xem xét đám giấy tờ vừa chấm mấy ngón tay của bàn tay trái vào đĩa dầu và thoa lên khắp mặt. Với hai đầu ngón tay, ông nhẹ nhàng sờ lên mặt. Ông thận trọng chấm hai ngón tay khô ráo trên mép đĩa - nơi chỉ có một lớp dầu mỏng. Sau đó, ông thoa lên trán, má và khéo léo chạm khẽ khàng lên mũi. Khi mọi việc đã xong ông đứng dậy, cầm đĩa dầu đi vào phòng ngủ là một gian phòng nhỏ của căn lều.

— Tôi phải chợp mắt một lúc. Ông nói với người sĩ quan phụ tá. Trong quân đội đó, sĩ quan phụ tá không phải là sĩ quan đặc nhiệm. Anh cũng nghỉ được rồi đấy. Viên thiếu tá khuyên sĩ quan dưới quyền

— Vâng thưa thiếu tá, viên sĩ quan phụ tá trả lời.

Anh ngả lưng vào chiếc ghế và ngáp. Anh lấy trong túi áo khoác của mình quyển sách được bọc cẩn thận, mở ra đọc tiếp một đoạn. Rồi anh đặt xuống bàn và châm tẩu thuốc. Anh cúi người xuống bàn để đọc và rít thuốc thật sâu. Sau đó, anh gấp sách lại và đút vào túi. Viên sĩ

quan này làm công việc giấy tờ đã lâu Anh chẳng còn cảm xúc nào để đọc cho đến hết. Bên ngoài, mặt trời đã khuất sau dãy núi, và chỉ một chút ánh sang yếu ớt hắt lên vách lều. Một người lính đi vào, tay cầm vài khúc gỗ thông dài ngắn khác nhau và đút vào lò.

— Nhẹ tay thôi Pinin, viên sĩ quan phụ tá nói với người lính. Thiếu tá đang ngủ đấy.

Pinin là cần vụ của thiếu tá. Cậu có khuôn mặt của chú bé có nước da ngăm đen. Cậu xếp lại cái lò sưởi rồi cẩn thận cho thêm củi thông vào. Sau đó cậu đóng cửa và trở vào phía sau căn lều. Viên sĩ quan cũng trở lại với đăm giấy tờ của anh ta.

— Tonani, viên thiếu tá gọi.

— Thưa ngài, có việc gì ạ?

— Gọi Pinin vào đây cho tôi.

— Pinin! viên sĩ quan phụ tá gọi. Pinin bước vào phòng. Thiếu tá cần gấp chú đấy, viên sĩ quan phụ tá nói với Pinin.

Pinin rảo bước qua gian chính của căn lều và đi về phía cửa buồng thiếu tá. Cậu gõ trên cánh

cửa đã hé mở.

— Thưa thiếu tá?

— Vào đi, viên sĩ quan phụ tá nghe tiếng thiếu tá nói, vào rồi đóng cửa lại.

Trong phòng, thiếu tá nằm trên giường. Thiếu tá tựa đầu lên chiếc ba lô má ông đã dồn đầy quần áo vào để làm gối. Khuôn mặt ông như chảy dài ra, đen sạm nhưng ông nhìn Pinin với vẻ hài lòng. ông đặt hai tay lên đồng chăn.

— Cậu mười chín tuổi phải không? Ông hỏi.

— Vâng, thưa thiếu tá.

— Chú mày đã từng yêu bao giờ chưa?

— Thiếu tá nói sao, thưa thiếu tá?

— Tình yêu ấy mà - với một cô gái?

— Em đã từng với vài cô.

— Ta không hỏi chú mày chuyện đó. Ta hỏi là chú mày đã từng yêu thương một cô gái nào chưa?

— Dạ có, thưa thiếu tá.

— Hiện nay chú mày đang yêu cô gái ấy phải không? Tại sao chú mày không viết thư cho cô ấy. Ta đã đọc tất cả những lá thư của chú mày.

— Dạ, em yêu cô ấy, Pinin trả lời. Nhưng em không viết thư cho cô ấy.

— Chú mày có dám chắc không?

— Dạ, chắc chắn.

— Tonani, thiếu tá vẫn giữ nguyên giọng, anh có nghe tôi nói không?

Ở phòng bên không có tiếng trả lời.

— Anh ta không nghe được đâu, thiếu tá nói. Chú mày có hoàn toàn chắc chắn rằng mình yêu cô gái ấy không?

— Dạ, em chắc chắn như vậy.

— Và, thiếu tá nhìn lướt qua Pinin, chú mày đã không hủ hóa đó chứ?

— Thưa thiếu tá, em không hiểu ý ngài, hủ hoá nghĩa là gì ạ?

— Thôi được, thiếu tá nói. - Chú mày đừng có mà láu cá như thế.

Pinin nhìn xuống nền nhà. Viên thiếu tá nhìn khuôn mặt màu nâu của cậu, nhìn từ chân đến đầu rồi dừng lại ở đôi tay của Pinin. Thiếu tá thôi mỉm cười và tiếp tục nói:

— Chú mày thật sự không muốn... - thiếu tá

ngừng một lát. Pinin vẫn nhìn xuống nền nhà. - Thế rằng cái dục vọng mãnh liệt thực sự của chú mày không phải là... - Pinin vẫn nhìn xuống nền nhà.

Thiếu tá dựa đầu vào ba lô và mỉm cười. Ông cảm thấy vô cùng thanh thản: cuộc sống trong quân ngũ quả là quá phức tạp. Chú mày thế mà tuyệt vời, ông nói. Chú mày rất tuyệt vời, Pinin. Nhưng đừng có mà làm cao và hãy coi chừng cẩn thận kẻo có kẻ phỗng tay trên chú mày đấy.

Pinin vẫn đứng bên giường của thiếu tá.

— Đừng sợ, thiếu tá nói. Hai tay ông khoanh lại trên đồng chắn. Ta sẽ không động chạm đến chú mày đâu. Chú mày có thể trở lại trung đội của mình nếu chú mày muốn. Nhưng chú mày cứ ở đây phục vụ ta thì tốt hơn. Chú mày sẽ ít rủi ro chết chóc hơn.

— Thiếu tá có muốn sai bảo gì em không, thưa thiếu tá?

— Không. Thiếu tá trả lời. Hãy cứ tiếp tục cái công việc mà chú mày đang làm. Chú mày có đi ra thì cứ để cửa mở.

Pinin đi ra cửa vẫn để ngỏ. Viên sĩ quan phụ tá nhìn Pinin loạng choạng đi qua gian giữa để ra ngoài. Pinin đổ bưng mặt bước chân cậu vụng về hơn so với khi cậu mang củi cho vào lò sưởi. Viên sĩ quan phụ tá nhìn theo cậu và mỉm cười. Pinin mang thêm mấy thanh củi nữa để cho vào lò. Viên thiếu tá vẫn nằm trên giường, ông nhìn chiếc mũ sắt bọc vải và chiếc kính tuyết của mình treo trên một cái đinh đóng trên vách lắng nghe tiếng bước chân của người cần vụ đi qua gian phòng. Quái quỷ thật, ông nghĩ, không biết hẳn có nói dối mình không đây.

TRÊN BẾN TÀU Ở SMYRNA

Điều lạ lùng là, ông ta nói, cái cách họ gào thét đêm đêm vào lúc nửa khuya. Tôi không biết tại sao họ gào thét vào lúc ấy. Chúng tôi trong bến cảng còn bọn họ thì trên cầu tàu và nửa khuya họ bắt đầu gào thét. Chúng tôi thường quay đèn pha về phía họ để vỗ về. Và chuyện ấy luôn luôn hiệu nghiệm. Chúng tôi quét đèn pha lên người họ tới lui hai ba lần và họ ngừng gào thét. Một dạo khi tôi làm sĩ quan chỉ huy trên bến tàu một sĩ quan Thổ đến gặp tôi trong cơn giận điên cuồng vì một thủy thủ của chúng tôi lãng mạ y. Thế là tôi hứa sẽ chuyển chàng trai kia lên tàu mà phạt ra trò. Tôi yêu cầu chỉ kẻ lãng nhục. Thế là hắn chỉ một cậu xạ thủ cực kỳ hiền lành. Rồi, thông qua người thông dịch, bảo với tôi rằng cậu trai kia đã nhiều lần sỉ nhục hắn nặng nề. Tôi không thể nào hình dung nổi làm

thể nào người xạ thủ kia biết đủ tiếng Thổ mà chửi bới. Tôi gọi cậu ta vào và bảo:

— Có lần nào nói chuyện với một sĩ quan người Thổ chưa?

— Thưa ngài, em chưa hề nói chuyện với bất kỳ người sĩ quan Thổ nào cả.

— Tôi hoàn toàn tin điều đó, - tôi nói, - nhưng tốt nhất suốt ngày cậu cứ ở lì trên tàu, đừng có mà đặt chân lên bờ.

Rồi tôi nói với viên sĩ quan Thổ rằng gã trai kia sẽ bị nhốt trên tàu và sẽ bị phạt nặng.Ồ, cực kỳ nghiêm khắc. Hẳn tỏ ra khoái trá. Bạn bè vĩ đại là chúng tôi mà.

Điều tệ hại nhất hẳn nói, là các thiếu phụ với những hài nhi đã chết. Anh chẳng thể nào buộc họ buông xác đứa con ra. Họ ôm khư khư xác con suốt sáu ngày. Chẳng chịu buông. Anh chẳng làm gì được. Cuối cùng đành phải lừa họ đi. Bấy giờ có một bà lão, đúng là một trường hợp đặc biệt nhất. Tôi đã kể chuyện này cho một ông bác sĩ nhưng ông ta lại cho rằng tôi bịa. Chúng tôi phải lừa họ ra khỏi cầu tàu, phải dọn

sạch các xác chết mà bà lão này thì lại đang nằm trên cái thứ như là ổ rơm. Họ nói, "Thưa ngài, ngài ngó qua bà lão một chút chứ?" Thế là tôi nhìn qua ngay khi bà lão chết và hóa cứng đờ. Hai chân co lên còn bà gập người ngang chỗ thắt lưng và toàn thân cứng ngắt. Đúng là như thể bà đã chết từ đêm qua. Bà đã chết thật rồi và hoàn toàn cứng khừ. Tôi đã kể với một gã thầy thuốc nhưng lão lại bảo chẳng thể nào có chuyện đó.

Bọn họ ở cả ngoài cầu tàu và cảnh tượng thật chẳng náo động gì hoặc là có chuyện đại loại như thế bởi vì bọn họ chẳng biết gì về người Thổ cả. Họ chẳng biết lão Thổ già rồi sẽ làm gì. Anh còn nhớ khi chúng ra lệnh cho ta không được vào để dọn xác đi nữa không. Sáng hôm ấy khi chúng ta quay vào tôi cứ ngài ngại. Lão có hẳn một đám pháo binh đủ sức thổi chúng ta bật khỏi mặt nước. Chúng ta sắp sửa tiến vào, chạy bám sát cầu tàu, vượt, lên phía trước mà buông neo và rồi nã pháo vào khu Thổ trong thị trấn. Bọn chúng mà quét ta bật tung khỏi mặt nước thì chúng ta cũng sẽ bắn nát thị trấn. Rốt cuộc

bọn chúng chỉ bắn một vài loạt vu vơ khi chúng ta tiến vào. Kemal lên bờ và bãi chúc viên chỉ huy Thổ. Vì lạm dụng quyền hành hoặc một việc tương tự như thế. Lão có hơi tự phụ. Tưởng là đã xảy ra chuyện lộn xộn chết người.

Hắn là anh còn nhớ cái bến cảng. Có cơ man nào là những thứ xinh xắn trôi quanh đó. Đó là lần duy nhất trong đời tôi có được cho nên cứ mơ thấy đủ điều. Anh đừng bận lòng với những thiếu phụ mang bầu như là anh đã từng quan tâm đến những sản phụ ôm những hài nhi đã chết.

Bọn họ đều ồm cả. Thật lạ lùng là rất ít người phải bỏ mình. Anh chỉ cần đắp điểm cho họ vài thứ linh kinh rồi để họ tự liệu. Họ luôn luôn tìm được những xó xỉnh tăm tối nhất để sinh con. Chẳng ai trong bọn họ để tâm đến điều gì khi đã rời bỏ cầu tàu.

Người Hy Lạp cũng là những gã tử tế. Khi tản cư tất thấy những con vật thờ họ có mà chẳng thể nào đưa theo được, họ bèn đập gãy đôi chân trước của chúng rồi xô vùi xuống vũng nước cạn.

Tất thấy những con la với hai chân trước bị gãy nát chúi người vào vũng nước nông choèn. Thật là một chuyện làm lạ đời. Lờn tôi quả quyết đúng là một chuyện làm cực kỳ lạ đời.

MỘT BẠN ĐỌC VIẾT

Nàng ngồi bên bàn, trong phòng ngủ, tờ báo mở trước mặt và không nhìn những bông tuyết tan khi chúng chạm xuống mái nhà bên ngoài cửa sổ. Nàng viết lá thư này, một mạch, không dừng tay hay tẩy xóa.

«Roanoke, Virginia

Mồng sáu tháng hai 1933

Thưa bác sĩ,

Tôi muốn ông cho một lời khuyên - tôi phải quyết định một việc mà không dám xin ý kiến của bố mẹ. Hơn nữa, do không còn biết phải tin vào ai và cũng không muốn phải tiếp xúc mà vẫn có thể thoái mái tâm sự nên tôi viết thư gửi ông. Chuyện là thế này - năm 1929 tôi kết hôn với một quân nhân Hoa Kỳ, trong năm ấy, chồng tôi được điều sang làm việc tại Thượng Hải, Trung Quốc - anh ấy đã ở lại đó ba năm rồi quay lại nhà mẹ anh ấy ở Helena, Arkanas bởi vài tháng trước đây, chồng tôi đã giải ngũ. Anh ấy có viết thư cho tôi - tôi đến và

tôi biết anh mắc phải một căn bệnh truyền nhiễm rồi khi tôi hỏi, anh báo rằng đang điều trị nhưng bây giờ tôi không thực sự nhớ rõ tên bệnh gì, chỉ nhớ phát âm như thể siflus". Ông có biết bệnh đó không? Xin hãy cho biết liệu tôi có việc gì không nếu lại chung sống với chồng? Kể từ lúc anh ấy từ Trung Quốc quay về, tôi đã không gần gũi. Anh ấy quả quyết với tôi là sau đợt điều trị, anh sẽ khỏi. Ông có nghĩ như vậy không? Tôi thường nghe ba tôi bảo nếu mắc phải bệnh đó thì bệnh nhân phải chết. Tôi tin ba mà cũng rất tin chồng. Hãy làm ơn, làm ơn bảo tôi phải làm gì. Tôi sinh một bé gái trong lúc anh ấy đang ở Trung Quốc.

Tôi chân thành cảm ơn ông và tuyệt đối nghe theo lời khuyên của ông. Tôi là...»

Và kí tên nàng.

Hắn ông bác sĩ sẽ chỉ cho mình cách xử sự đúng đắn, nàng thầm nhủ. Ông ta rất có thể khuyên mình. Tấm hình của ông đăng trên báo trông cứ như là ông hiểu hết mọi chuyện. Trông ông rất thông minh. Hằng ngày, ông khuyên bảo mọi người. Hắn ông ấy hiểu mình muốn hành

động đúng. Dầu sao, thời gian đã quá lâu rồi. Đó chưa phải là khoảng thời gian dài. Và căn bệnh đã kéo dài. Lạy Chúa, lâu quá. Mình biết anh phải chấp hành lệnh điều động, nhưng mình không hiểu anh ấy làm việc đó mà làm gì. Ôi, lạy Chúa, giá như anh đừng đến đây. Mình chẳng bận tâm nguyên do anh mắc bệnh. Nhưng mình cứ ước giá mà Chúa giữ cho anh khỏi bệnh tật. Mình chẳng biết phải xử sự sao đây. Ước gì Chúa giúp anh không mắc bệnh. Mình chẳng hiểu tại sao anh lại mang bệnh.